

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa Hóa học năm học 2025-2026, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn/Zalo: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 25 tháng 8 năm 2025.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2025.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **120 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Muối Natri clorua tinh khiết Sodium chloride 500g		TQ	Chai/ 500g	10	1.HK1-PHY00081
2	Pin 1.55v SR44SW	938882	Mitutoyo - Nhật	Viên	10	1.HK1-PHY00081
3	Pin 9V - Hộp 10 viên (Toshiba)		Toshiba	Hộp	5	1.HK1-PHY00081
4	Pin Maxell Lithium CR2032 (3V)		Maxell	Viên	20	1.HK1-PHY00081
5	Pin 1,5V AA		Maxell	Hộp/ 40 viên	1	1.HK1-PHY00081
6	Pin 1,5V AAA		Maxell	Hộp/ 40 viên	1	1.HK1-PHY00081
7	Bút Đo Nhiệt Độ Checktemp HI98501		Hanna-Ý	Cái	2	1.HK1-PHY00081
8	Nhiệt kế điện tử HANNA HI98509		Hanna-Ý	Cái	1	1.HK1-PHY00081
9	Bình tia nước 500 ml		Anh	Chai	10	1.HK1-PHY00081
10	Cốc thủy tinh 100 ml		Trung quốc	Cái	20	1.HK1-PHY00081
11	Đế Banana 4mm Cái Dài 29mm Màu Đen		Trung quốc	Cái	300	1.HK1-PHY00081
12	Jack Bắp chuối đục 4mm Màu Đỏ		Trung quốc	Cái	200	1.HK1-PHY00081
13	Jack Bắp chuối đục 4mm Màu Xanh dương		Trung quốc	Cái	200	1.HK1-PHY00081
14	Dây Banana Đầu 4mm AA Dài 1m 1500V 10A Màu Xanh dương		Trung quốc	Cái	100	1.HK1-PHY00081
15	Bút bi Thiên Long (Màu xanh)		VN	Cây	20	1.HK1-PHY00081
16	Bút bi Thiên Long (Màu đỏ)		VN	Cây	20	1.HK1-PHY00081
17	Bút Bi Gel 0.5Mm (Màu đỏ)		VN	Cây	20	1.HK1-PHY00081
18	Bút dạ kính TL-PM04 (Màu xanh)		VN	Cây	10	1.HK1-PHY00081
19	Bút Dạ Quang - Thiên Long HL-03 - Màu Vàng		VN	Cây	10	1.HK1-PHY00081
20	Kim Bấm Plus Số 10 (Hộp nhỏ)		VN	Hộp	10	1.HK1-PHY00081
21	Bấm Kim Plus Stapler PS-10E		VN	Cái	2	1.HK1-PHY00081
22	Bút lông bằng (màu xanh)		VN	Cây	20	1.HK1-PHY00081
23	Bút lông bằng (màu đen)		VN	Cây	10	1.HK1-PHY00081
24	Bút lông dầu (màu xanh)		VN	Cây	10	1.HK1-PHY00081
25	Thước cặp điện tử dài đo 0-150mm Mitutoyo 500-181-30	500-181-30	Nhật Bản	Cái	4	1.HK1-PHY00081

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
26	Router WiFi 6 AX3000 ASUS RT-AX57	AX57	Asus	Bộ	2	1.HK1-PHY00081
27	Khăn giấy lụa Finest (kích thước 200 x 190 mm)			Hộp	1	1.HK1-PHY00081
28	Monome styrene, ReagentPlus®, contains 4-tert-butylcatechol as stabilizer, ≥99%, CAS No.: 100-42-5		Aldrich sigma	Chai 500mL	1	2.HK1-CHT10008
29	Monome MMA (methylmeta acrylat) for synthesis, CAS number 80-62-6		Aldrich sigma	Chai 500mL	1	2.HK1-CHT10008
30	Pyrrole, ACS reagent, ≥98%, CAS number 109-97-7.		Aldrich sigma	Chai 500mL	1	2.HK1-CHT10008
31	Acrylonitrile, ≥99%, contains 35-45 ppm monomethyl ether hydroquinone as inhibitor, CAS number 107-13-1		Aldrich sigma	Chai 500mL	1	2.HK1-CHT10008
32	1-Bromobutane, ReagentPlus®, 99%, CAS number ,109-65-9		Aldrich sigma	Chai 100mL	2	2.HK1-CHT10008
33	Polyaniline (emeraldine base), average Mw ~5,000, CAS number 25233-30-1		Aldrich sigma	Chai 100mL	1	2.HK1-CHT10008
34	Polyvinyl alcol (Mw 89,000-98,000, 99+% hydrolyzed, CAS 9002-89-5)		Aldrich sigma	500g	1	2.HK1-CHT10008
35	N-Methylpyrrolidone, CAS 872-50-4		Aldrich sigma	500mL	1	2.HK1-CHT10008
36	Poly(vinylidene fluoride), CAS 24937-79-9.		Aldrich sigma	250g	1	2.HK1-CHT10008
37	Tetramethylammonium Chloride (CAS 75-57-0)		Aldrich sigma	Chai 100g	1	2.HK1-CHT10008
38	TEMPO : 2,2,6,6-TETRAMETHYL-1-PIPERIDINYOXY(TEMPO), 98%, CAS number 2564-83-2		Aldrich sigma	Chai 25 g	1	2.HK1-CHT10008
39	Bếp khuấy từ gia nhiệt				1	2.HK1-CHT10008
40	Epoxy Công nghiệp				1	2.HK1-CHT10008
41	MDI lỏng				1	2.HK1-CHT10008
42	H3PO4				1	2.HK1-CHT10008

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
43	Ure				1	2.HK1-CHT10008
44	Tetrahydrofuran (THF)		Korea		1	2.HK1-CHT10008
45	Tetrahydrofuran (THF)		Fisher		1	2.HK1-CHT10008
46	PVA 1750				1	2.HK1-CHT10008
47	Glutaraldehyde 50%				1	2.HK1-CHT10008
48	Chitosan low molecular weight				1	2.HK1-CHT10008
49	Pentaerythritol				1	2.HK1-CHT10008
50	Đũa tre dùng 1 lần				1	2.HK1-CHT10008
51	Ly nhựa mỏng 280ml				1	2.HK1-CHT10008
52	H3PO4		Xilong TQ	chai 500ml	1	3.HK1-CHT10013
53	H2SO4		Xilong TQ	chai 500ml	1	3.HK1-CHT10013
54	HCl		Xilong TQ	chai 500ml	1	3.HK1-CHT10013
55	NH3		Xilong TQ	chai 500ml	1	3.HK1-CHT10013
56	Ethanol		Chemsol	Chai/ 500ml	1	3.HK1-CHT10013
57	Ehtyl acetate		Chemsol	500ml/ch	1	3.HK1-CHT10013
58	KI	P/5880/53	Fisher	Chai/ 500g	1	3.HK1-CHT10013
59	KCl		TQ	chai 500g	1	3.HK1-CHT10013
60	AgNO3		TQ	100g/ch	1	3.HK1-CHT10013
61	Hydroxylamine HCl		TQ	Chai 100g	1	3.HK1-CHT10013
62	1,10-phenanthroline		TQ	C/5g	1	3.HK1-CHT10013
63	Muối biển		VN	Bịch 1kg	1	3.HK1-CHT10013
64	Ống nhỏ giọt nhựa 3ml		Flmedical/Italy	H/500c	1	3.HK1-CHT10013
65	Ống đong 100 mL		Onelab/TQ	Cái	1	3.HK1-CHT10013
66	giấy pH		TQ	Hộp 20 tập	1	3.HK1-CHT10013
67	Bộ muổng cân		Onelab/TQ	Bộ 3c	1	3.HK1-CHT10013
68	Vial 2mL (chưa bao gồm nắp)		Onelab/TQ	Hộp 100c	1	3.HK1-CHT10013
69	Nắp vial 2mL đệm PTFE		Onelab/TQ	Gói 100c	1	3.HK1-CHT10013
70	Khí H2 99.999 %		VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
71	Khí N2 99.995%		VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
72	Đầu bóp ống nhỏ giọt (màu đỏ)		VN	cái	1	3.HK1-CHT10013
73	Pipet bầu 10 mL		IsoLab	cái	1	3.HK1-CHT10013
74	Pipet vạch 5 mL		IsoLab	cái	1	3.HK1-CHT10013
75	Pipet vạch 10 mL		IsoLab	cái	1	3.HK1-CHT10013
76	Pasteur pipet thủy tinh 150mm Hirschman		Đức	hộp/250c	1	3.HK1-CHT10013
77	Parafilm PM996		MỸ	Cuộn	1	3.HK1-CHT10013
78	Giấy lọc định tính 102, đường kính		Onelab/TQ	Hộp/ 100t	1	3.HK1-CHT10013

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	110mm					
79	Giấy vệ sinh An An		VN	cuộn	1	3.HK1-CHT10013
80	Nước rửa chén		VN	Chai 400g	1	3.HK1-CHT10013
81	Băng keo trong		VN	cuộn	1	3.HK1-CHT10013
82	Kéo		VN	cái	1	3.HK1-CHT10013
83	N-(1-naphthyl)ethylenediamine dihydrochloride		TQ	Chai 10g	1	3.HK1-CHT10013
84	Khí Acetylen	40L	VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
85	Argon	40L	VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
86	Erlen 250 mL		Biohall	Đức	1	3.HK1-CHT10013
87	Autoclave		Trung Quốc	cái	2	4.HK1-CHT10015
88	Bột graphene	900561-500MG	Sigma Aldrich, Mỹ	500 mg	1	4.HK1-CHT10015
89	Đệm tháp hấp thu	Z137561-1LB	Sigma Aldrich, Mỹ	gói	1	4.HK1-CHT10015
90	Polyvinyl Alcohol	9002-89-5	Trung Quốc	500 mg	5	4.HK1-CHT10015
91	Muối		Việt Nam	gói	5	4.HK1-CHT10015
92	HCl		TQ	Chai 500ml	1	5.HK1-CHT10031
93	H2SO4		TQ	Chai 500ml	1	5.HK1-CHT10031
94	HNO3		TQ	Chai 500ml	1	5.HK1-CHT10031
95	H3PO4		TQ	Chai 500ml	1	5.HK1-CHT10031
96	CH3COONa (Khan)		TQ	Chai 500g	1	5.HK1-CHT10031
97	NaOH		TQ	Chai 500g	1	5.HK1-CHT10031
98	FeSO4 (FeSO4.7H2O)		TQ	Chai 500g	1	5.HK1-CHT10031
99	CuSO4		TQ	Chai 500g	1	5.HK1-CHT10031
100	Na2B4O7		TQ	Chai 500g	1	5.HK1-CHT10031
101	Ethanol		TQ	Chai 500ml	1	5.HK1-CHT10031
102	1,10 phenanthroline		TQ	Chai 5g	1	5.HK1-CHT10031
103	hydroxylamine (Hydroxylamine HCl)		TQ	Chai 100g	1	5.HK1-CHT10031
104	Giấy lọc (Giấy lọc định tính 102, đường kính 110mm)		TQ	Hộp/ 100t	1	5.HK1-CHT10031
105	Giấy pH		TQ	Hộp/ 20 tập	1	5.HK1-CHT10031
106	Phễu lọc G4 (Phễu lọc G4-80 ML)		Biohall	Cái	1	5.HK1-CHT10031
107	Bếp hồng ngoại	SHD 6005	Sunhouse	Cái	1	5.HK1-CHT10031
108	Beaker 100 mL		TQ	Cái	1	5.HK1-CHT10031
109	Beaker 250 mL		TQ	Cái	1	5.HK1-CHT10031
110	Erlen 250mL		TQ	Cái	1	5.HK1-CHT10031
111	Bút Đo pH Checker Plus HI98100		Hanna instrument	Cái	2	6.HK1-CHT10039

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
112	Dụng cụ đo phổ khả kiến	model 722	FAITHFUL	Cái	2	6.HK1-CHT10039
113	Ethanol công nghiệp		Việt Nam	Lít	10	7.HK1-CHT10052
114	Pin AAA 1,5V		Việt Nam	Hộp/40 viên	1	7.HK1-CHT10052
115	Bao đựng rác cỡ đại		Việt Nam	kg	1	7.HK1-CHT10052
116	Máy đo góc tiếp xúc Phoenix – I		S.E.O – Hàn Quốc	Cái	1	7.HK1-CHT10052
117	Máy đo pH-nhiệt độ và đầu dò		Trung Quốc	Cái	1	7.HK1-CHT10052
118	Máy đo pH Horiba	F71	Trung Quốc	Cái	1	8.HK2-CHT10012
119	Tủ sấy Bluepard DHG-9140A	DHG-9140A	Trung Quốc	Cái	1	8.HK2-CHT10012
120	Ethanol		Chemsol	Cái	1	8.HK2-CHT10012
121	Cá từ 2cm		Dinlab	Cái	1	8.HK2-CHT10012
122	Urease from Canavalia ensiformis (Jack bean) Type III, powder, 15,000 - 50,000 units/g solid	U1500	Sigma		1	9.HK2-CHT10010
123	α -Glucosidase from Saccharomyces cerevisiae	G5003-1KU	Sigma	chai	1	9.HK2-CHT10010
124	Tyrosinase from mushroom	T3824-50KU	Sigma	chai	1	9.HK2-CHT10010
125	Cholesterol Esterase from bovine pancreas	C3766-100UN	Sigma	chai	1	9.HK2-CHT10010
126	Lipase from porcine pancreas Type II, ≥ 125 units/mg protein (using olive oil (30 min incubation)), 30-90 units/mg protein (using triacetin)	L3126-100G	Sigma	Chai/100g	1	9.HK2-CHT10010
127	Becher 250 ml đường kính 7.5 cm, chiều cao 9.5 cm		Schott Duran	Cái	1	9.HK2-CHT10010
128	Túi rác đại (64x78 cm)		Việt Nam	Kg	1	9.HK2-CHT10010
129	NH ₃ đậm đặc (PA)			Chai 500 ml	1	9.HK2-CHT10010
130	Chổi quét nhà		Việt Nam	Cái	1	9.HK2-CHT10010
131	Ki hút rác		Việt Nam	Cái	1	9.HK2-CHT10010
132	Cây lau nhà vắt tay		Việt Nam	Cái	1	9.HK2-CHT10010
133	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl	D9132-5G	Sigma	Chai/ 5g	1	9.HK2-CHT10010
134	3-Picoline		Thermo	Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
135	4-Picoline		Thermo	Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
136	3-Methylquinoline		Thermo	Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
137	4-Methylquinoline		Thermo	Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
138	6-Methylquinoline		Thermo	Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
139	Methanol, Multisolventđ HPLC	A452-4 KR	Duskan, Hàn Quốc	Chai/4L	1	11.HK2-CHT10108

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	grade - CH3OH					
140	H2SO4	1007312500	Merck	Chai/ 2.5L	1	11.HK2-CHT10108
141	Bơm rocker 400 Model: V400 Hãng : Wiggens GmbH Xuất xứ: Trung Quốc Cung cấp bao gồm: Bơm V400+ Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt Thông số kỹ thuật: Order No.167400 Max. flow rate (m3/h)/Lưu lượng(m3/giờ): 2.04 Max. flow rate (L/min)/Lưu lượng(Lít/phút): 34 Ultimate vacuum(mbar abs)/Mức chân không tối hạn (mbar): 100 Max. power/Công suất(W): 80 Max. current/ Dòng (A): 0.4 Motor rotation (RPM)/Tốc độ motor(Vòng/phút): 1450 Port thread/ Đường kính ống dẫn khí (mm): 9 Noise level / Độ ồn(dB): 60 Dimension/Kích thước WxDxH(mm):310x1 52x165 Weight/Trọng lượng (kg): 5.4 Power/nguồn (V / Hz): 220/50	V400	Wiggens GmbH	Cái	1	11.HK2-CHT10108
142	Vial 2mL(chưa bao gồm nắp)		Alwsci	Hộp/100c	1	11.HK2-CHT10108
143	PTFE Hydrophilic(Ưu Nước) Syringe Filter 13mm 0.45µm with Outer Ring		Alwsci	Hộp/100c	1	11.HK2-CHT10108
144	Màng lọc cellulose acetate 0.45 µm HPLC47mm 11106- -47		Sartorius	hộp /100tờ	1	11.HK2-CHT10108
145	Nắp vial 2mL đậm		Onelab/TQ	Bịch	1	11.HK2-CHT10108

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	PTFE			/100c		
146	Parafilm 4x125	PM996	Mỹ	cuộn	1	11.HK2-CHT10108
147	Bình định mức 25 mL		Isolab	cái	1	11.HK2-CHT10108
148	Argon	40L	VN	Bình	1	11.HK2-CHT10108
149	Khí acetylen		VN	Bình	1	11.HK2-CHT10108
150	Máy khuấy từ gia nhiệt	DN0871	TQ	Cái	1	13.HK2-CHT10205
151	Đồng hóa mẫu DaiHan HG-15A-Set-A	HG-15A-Set A	Hàn Quốc	Cái	1	13.HK2-CHT10205
152	Ethanol, Xilong		TQ	Chai 500ml	1	13.HK2-CHT10205
153	KOH		TQ	chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
154	Cr2O3 (PA)		TQ	chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
155	KClO ₃		TQ	chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
156	HCl		TQ	chai 500 ml	5	14.HK2-CHT10301
157	FeSO ₄ .7H ₂ O		TQ	chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
158	Etanol (PA)		TQ	chai 500 ml	5	14.HK2-CHT10301
159	Amoni molybdat (PA) (NH ₄) ₆ Mo ₇ O ₂₄ .4H ₂ O		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
160	Kali antimon tartrat (PA) K(SbO)C ₄ H ₄ O ₆ .1/2 H ₂ O		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
161	KH ₂ PO ₄		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
162	CoCl ₂ .6H ₂ O		TQ	Chai 100 gam	5	14.HK2-CHT10301
163	AlCl ₃ .6H ₂ O		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
164	H ₂ O ₂ 30% (PA)		TQ	Chai 500 ml	5	14.HK2-CHT10301
165	CuSO ₄ .5H ₂ O		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
166	ZnSO ₄ .7H ₂ O (PA)		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
167	NaHCO ₃ (PA)		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
168	Na ₂ CO ₃ (PA)		TQ	Chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
169	Bình định mức 50 ml		Wertlab	Cái	5	14.HK2-CHT10301
170	Bình định mức 100 ml		Wertlab	Cái	5	14.HK2-CHT10301

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
171	Bình tam giác có vòi 250 mL (đường kính bên trong cổ f 32 đến 34 mm; đường kính bên ngoài cổ f 40 đến 44 mm)		Schott Duran	cái	5	14.HK2-CHT10301
172	Giấy lọc f11 cm (loại lọc nhanh, 101)		TQ	Hộp	5	14.HK2-CHT10301
173	Giấy lọc f18 cm (loại lọc nhanh, 101)		TQ	Hộp	5	14.HK2-CHT10301
174	Nút cao su trắng số 7 (30 mm < f < 38 mm)		Việt Nam	cái	5	14.HK2-CHT10301
175	Ống thủy tinh chữ L 9×20 cm đường kính ngoài = 8 mm		Việt Nam	cái	5	14.HK2-CHT10301
176	Ống thủy tinh thẳng 30 cm đường kính ngoài = 8 mm		Việt Nam	cái	5	14.HK2-CHT10301
177	Ống thủy tinh vuông 9×9 cm đường kính ngoài = 8 mm		Việt Nam	cái	5	14.HK2-CHT10301
178	Rổ lưới bằng nhựa 45x30x15 cm		việt nam	cái	5	14.HK2-CHT10301
179	ống đông nhựa 25 ml Vạch trắng		TQ	Cái	5	14.HK2-CHT10301
180	ống đông nhựa 50 ml Vạch trắng		TQ	Cái	5	14.HK2-CHT10301
181	Becher 100 ml đường kính 5.7 cm , chiều cao 7.2 cm		Schott Duran	Cái	5	14.HK2-CHT10301
182	Becher 250 ml đường kính 7.5 cm, chiều cao 9.5 cm		Schott Duran	Cái	5	14.HK2-CHT10301
183	Ống nghiệm 15ml (đường kính x chiều cao, 15x100 mm)		biohall	ống	5	14.HK2-CHT10301
184	Ống nghiệm 25ml (đường kính x chiều cao, 16x160 mm)		biohall	ống	5	14.HK2-CHT10301
185	Erlen 250ml (đường kính cổ f 32mm)		Schott Duran	Cái	5	14.HK2-CHT10301
186	Nước rửa tay Lifebouy		Việt Nam	Chai/ 450g	5	14.HK2-CHT10301
187	giấy pH hộp 20 tép		TQ	hộp/ 20 tép	5	14.HK2-CHT10301
188	Khăn lau		Việt Nam	Kg	5	14.HK2-CHT10301
189	Găng tay y tế		Việt Nam	Hộp	5	14.HK2-CHT10301
190	Khẩu trang y tế		Việt Nam	Hộp	5	14.HK2-CHT10301
191	Máy khuấy từ gia nhiệt	DN0871	TQ	Cái	1	15.HK2-CHT10303
192	Đồng hóa mẫu DaiHan HG-15A-	HG-15A-Set A	Hàn Quốc	Cái	1	15.HK2-CHT10303

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Set-A					
193	Ethanol, Xilong		TQ	Chai 500ml	1	15.HK2-CHT10303
194	Pipetman 1000 µl		Đức	cái	2	16.HK2-CHT10043
195	Ống đong 100 ml			cái	5	16.HK2-CHT10043
196	Ống đong 25 ml			cái	5	16.HK2-CHT10043
197	Ống đong 10 ml			cái	5	16.HK2-CHT10043
198	Pipet Pasteur			hộp/100 cái	5	16.HK2-CHT10043
199	Tinh dầu trắc bá diệp			Lít	1	16.HK2-CHT10043
200	Tinh dầu hoa lài			Lít	1	16.HK2-CHT10043
201	Tinh dầu phong lữ			Lít	1	16.HK2-CHT10043
202	Tinh dầu gỗ hồng			Lít	1	16.HK2-CHT10043
203	Tinh dầu nhựa Peru			Lít	1	16.HK2-CHT10043
204	Tinh dầu gỗ pơ mu			Lít	1	16.HK2-CHT10043
205	Tinh dầu hoàng đàn			Lít	1	16.HK2-CHT10043
206	Menthol			kg	1	16.HK2-CHT10043
207	Pipet 10-100 uL			Cái	1	17.HK3-CHT10017-1A (HC)
208	Pipet 100-1000 uL			Cái	1	17.HK3-CHT10017-1A (HC)
209	Cân 4 chữ số thập phân		Onelab	Cái	1	17.HK3-CHT10017-1A (HC)
210	Urease from Canavalia ensiformis (Jack bean) Type III, powder, 15,000 - 50,000 units/g solid	U1500	Sigma		1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
211	α -Glucosidase from Saccharomyces cerevisiae	G5003-1KU	Sigma	chai	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
212	Tyrosinase from mushroom	T3824-50KU	Sigma	chai	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
213	Cholesterol Esterase from bovine pancreas	C3766-100UN	Sigma	chai	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
214	Lipase from porcine pancreas Type II, ≥ 125 units/mg protein (using olive oil (30 min incubation)), 30-90 units/mg protein (using triacetin)	L3126-100G	Sigma	Chai/100g	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
215	Becher 250 ml đường kính 7.5 cm, chiều cao 9.5 cm		Schott Duran	Cái	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
216	Túi rác đại (64x78 cm)		Việt Nam	Kg	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
217	NH ₃ đậm đặc (PA)			Chai 500 ml	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
218	Chổi quét nhà		Việt Nam	Cái	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
219	Ki hốt rác		Việt Nam	Cái	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
220	Cây lau nhà vắt tay		Việt Nam	Cái	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
221	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl	D9132-5G	Sigma	Chai/ 5g	1	18.HK3-CHT10017-1B (HD)
222	Bộ đèn UV 55W -Bóng uv, ống thạch anh bảo vệ bóng, ballast, máng inox ss304 -Hình dạng như bóng tuýp gia đình, kính trong suốt -Kích thước: 120cm -Công suất: 55W	Bóng-nguồn- ống thạch anh UV AquaPro 55W	Việt Nam	Bộ	1	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
223	Bơm Nhu Động Kamoer Peristaltic Pump NKP-DAL-S10B 24VDC -Điện áp sử dụng: 24VDC -Công suất: 5W -Lưu lượng bơm: 5.2ml/phút ~ 90ml/phút. -Chất liệu ống dẫn: Silicon. -Chuyển động dẫn bằng ba bánh xe phía trong. -Nhiệt độ môi trường hoạt động: 0~40 độ C,		TRUNG QUỐC	cái	1	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
224	Bình định mức 500 ml	ISOLAB	ISOLAB	Cái	1	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
225	Bình định mức 1000 ml	ISOLAB	ISOLAB	Cái	1	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
226	Đũa thủy tinh dài 60 cm		ONELAB/TQ	Cái	1	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
227	EDTA (C10H14N2O8Na2)	Xilong	TQ	Chai 250g	1	19.HK3-CHT10017-2A (VC)

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
228	Nguồn Power Adaptor AC-DC Chỉnh Áp 3~24VDC 2.5A 60W Có Hiển Thị -Điện áp đầu vào: 100~240VAC 50/60Hz -Điện áp đầu ra: 3 ~ 24VDC (tùy chỉnh bằng biến trở) -Dòng đầu ra tối đa: 2.5A -Công suất đầu ra tối đa: 60W. -Chuẩn giắc đầu ra: DC 5.5*2.1mm male conector -Tích hợp đồng hồ hiển thị áp đầu ra.		TRUNG QUỐC	Cái	1	19.HK3-CHT10017- 2A (VC)
229	Hyaluronic Acid		Trung quốc	chai 25 gam	1	19.HK3-CHT10017- 2A (VC)
230	Ống bơm nhựa bằng tay màu đỏ		Hàn quốc	cái	1	19.HK3-CHT10017- 2A (VC)
231	Máy khuấy từ gia nhiệt	DN0871	TQ	Cái	1	20.HK3-CHT10017- 2B (HL)
232	Đồng hóa mẫu DaiHan HG-15A- Set-A	HG-15A-Set A	Hàn Quốc	Cái	1	20.HK3-CHT10017- 2B (HL)
233	Ethanol, Xilong		TQ	Chai 500ml	1	20.HK3-CHT10017- 2B (HL)
234	Urease from Canavalia ensiformis (Jack bean) Type III, powder, 15,000 - 50,000 units/g solid	U1500	Sigma		1	22.HK3-CHT10109
235	α -Glucosidase from Saccharomyces cerevisiae	G5003-1KU	Sigma	chai	1	22.HK3-CHT10109
236	Tyrosinase from mushroom	T3824-50KU	Sigma	chai	1	22.HK3-CHT10109
237	Cholesterol Esterase from bovine pancreas	C3766- 100UN	Sigma	chai	1	22.HK3-CHT10109
238	Lipase from porcine pancreas Type II, ≥ 125 units/mg protein (using olive oil (30 min incubation)), 30-90 units/mg protein (using triacetin)	L3126-100G	Sigma	Chai/ 100g	1	22.HK3-CHT10109
239	Becher 250 ml đường kính 7.5 cm, chiều cao 9.5 cm		Schott Duran	Cái	1	22.HK3-CHT10109
240	Túi rác đại (64x78 cm)		Việt Nam	Kg	1	22.HK3-CHT10109

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
241	NH ₃ đậm đặc (PA)			Chai 500 ml	1	22.HK3-CHT10109
242	Chổi quét nhà		Việt Nam	Cái	1	22.HK3-CHT10109
243	Ki hốt rác		Việt Nam	Cái	1	22.HK3-CHT10109
244	Cây lau nhà vắt tay		Việt Nam	Cái	1	22.HK3-CHT10109
245	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl	D9132-5G	Sigma	Chai/ 5g	1	22.HK3-CHT10109
246	Bình cầu 100 ml nhám 14/23 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
247	Bình lỏng 125 ml, khóa teflon		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
248	Ống sinh hàn 2 đầu nhám 14 (dài 25 cm, ruột thẳng)		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
249	Khóa đôi = noa		TQ	cái	1	23.HK3-CHT10101
250	Kẹp Sinh hàn 3 châu TQ		TQ	cái	1	23.HK3-CHT10101
251	Vòng giữ bình lỏng 125 ml		VN/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
252	Bộ chân giá, dài 60-70 cm		TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
253	Muỗng inox nhỏ 20 cm, 2 đầu tròn			Cái	1	23.HK3-CHT10101
254	Phễu Buchner 60 mm			Bình	1	23.HK3-CHT10101
255	Bình tia acetone		Onelab/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
256	Bộ chưng cất phân đoạn (bình cầu thủy tinh 100 ml nhám 14; cột Vigreux 30 cm, 2 nhám 14; đầu chưng cất, 3 nhám 14, bầu chứa nhiệt kế nhám 14)		Biohall germany	Bộ	1	23.HK3-CHT10101
257	Bầu chứa nhiệt kế, nhám 14/23		VN	Cái	1	23.HK3-CHT10101
258	Đầu chưng cất, 3 nhám 14		VN	Cái	1	23.HK3-CHT10101
259	Cột Vigreux 30 cm		VN	Cái	1	23.HK3-CHT10101
260	Bình lỏng 250 ml, khóa teflon		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
261	Bình lỏng 500 ml, khóa teflon		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
262	Bình cầu 250 ml nhám 29 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
263	Bình cầu 500 ml nhám 29 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
264	Bình cầu 50 ml nhám 14 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
265	Ống thủy tinh chữ T ($\theta = 100$ mm) có khóa teflon		Dinlab Germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
266	Cá từ trứng (oval) 2 cm		Dinlab Germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
267	Erlen 50 ml, nhám 14/23, có nắp teflon		Onelab/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
268	Erlen 100 ml, nhám 14/23, có nắp teflon		Onelab/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
269	Nút silicon từ số 1 đến số 8 (mỗi thứ 5)		Onelab/TQ	Bộ	1	23.HK3-CHT10101
270	Silica gel 60, 0,04 - 0,06 mm, for flash - SiO ₂		Scharlau	Chai/1 kg	1	23.HK3-CHT10101
271	Silica gel 230-400 Mesh (0,063- 0,037 mm) for flash		Ấn Độ	Chai/500 g	1	23.HK3-CHT10101
272	TLC silica gel 60 F254		Merck	Hộp/25 tờ	1	23.HK3-CHT10101
273	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		VN/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
274	Chổi bông cỏ quét nhà			Cái	1	23.HK3-CHT10101
275	Cây lau nhà vắt tay			Cái	1	23.HK3-CHT10101
276	Chai bi có nắp vặn 10 ml		Onelab/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
277	Chai thủy tinh trắng 20 ml hoặc 30 ml có nắp thủy tinh nhám 14		VN/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
278	Chai thủy tinh nâu 20 ml hoặc 30 ml có nắp thủy tinh nhám 14		VN/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
279	Ống thủy tinh chữ T ($\theta = 10$ mm) có khóa teflon		Có hình ảnh đính kèm	Cái	1	23.HK3-CHT10101
280	Nút silicon từ số 6 (33x26x25 mm)		Onelab/TQ	Cái	1	23.HK3-CHT10101
281	Băng keo chịu nhiệt 3M 5413 (12mm x 33m)		3M	Cuộn	1	24.HK3-CHT10304
282	Đầu pipet 200 μ l (Típ vàng có khóa 200ul)	28052	Flmedical/Ý	Gói/1000c	1	24.HK3-CHT10304
283	Đầu pipet 10 μ l	28045	Flmedical/Ý	Gói/1000c	1	24.HK3-CHT10304
284	Micropipette 100-1000ul		Phoenix Instrument - Germany	Cái	1	24.HK3-CHT10304
285	Becher 50 ml		Onelab	Cái	1	24.HK3-CHT10304
286	Becher 100 ml		Onelab	Cái	1	24.HK3-CHT10304
287	Becher 250 ml		Onelab	Cái	1	24.HK3-CHT10304
288	Parafilm	PM996	Mỹ	cuộn	1	24.HK3-CHT10304
289	Dichloromethan (DCM)				1	24.HK3-CHT10304
290	Pyridine				1	24.HK3-CHT10304
291	Piperidine				1	24.HK3-CHT10304
292	Đầu hút Micropipette 100-1000ul				1	24.HK3-CHT10304

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
293	Ống đong 100 mL				1	24.HK3-CHT10304
294	Muỗng xúc hóa chất mũi dẹt 22 cm				1	24.HK3-CHT10304
295	Giấy cân 10x10				1	24.HK3-CHT10304
296	Acetonitrile				1	24.HK3-CHT10304
297	Rổ lưới bằng nhựa				1	24.HK3-CHT10304
298	Bình tia nhựa 250ml				1	24.HK3-CHT10304
299	Găng tay nitrile size L				1	24.HK3-CHT10304
300	Sáp nhũ Naterol 165V	31566-31-1, 9004-99-3	Ý	Kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
301	Light white oil	8042-47-5	Ấn Độ	kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
302	Cetyl alcohol	36653-82-4	Thái Lan	kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
303	Dipropyleneglycol	25265-71-8		kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
304	Isopropyl myristate	110-27-0	Ý	Kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
305	Sodium lactate			kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
306	Phenoxyethanol			Kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
307	Glycerin	56-81-5		Kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
308	Polygel (carbomer 940)	9007-20-9	Châu Âu	Kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
309	Ethanol tinh khiết thực phẩm		Việt nam	Lít	1	25.HK3-CHT10037 (R)
310	PEG-400	25322-68-3		Lít	1	25.HK3-CHT10037 (R)
311	Nhũ Cosmogel 305		Trung quốc	Kg	1	25.HK3-CHT10037 (R)
312	Ống đong thủy tinh 20 mL (Loại 20 ml, thủy tinh)		Trung quốc	cái	1	25.HK3-CHT10037 (R)
313	Cốc thủy tinh thí nghiệm có mỏ, 100 mL (Loại 100ml, thủy tinh)		Trung quốc	cái	1	25.HK3-CHT10037 (R)
314	Cốc thủy tinh thí nghiệm có mỏ, 50 mL (Loại 50ml, thủy tinh)		Trung quốc	cái	1	25.HK3-CHT10037 (R)
315	Giấy pH (Phạm vi 1- 14; dạng xấp 80 miếng)		Trung quốc	cái	1	25.HK3-CHT10037 (R)
316	Bộ cánh khuấy răng cưa (đường kính 3 cm; cánh dài 20 cm) (inox)			bộ	1	25.HK3-CHT10037 (R)
317	Thau inox nhỏ (đường kính 12-18 cm) (inox)			cái	1	25.HK3-CHT10037 (R)
318	Hũ nhựa đựng mỹ phẩm, 30g (Nhựa)			cái	1	25.HK3-CHT10037 (R)

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
319	Nhựa Epoxy công nghiệp		Việt Nam	Kg	1	28.HK3-CHT10204
320	Mg(NO ₃) ₂ (99,9%)			Kg	1	28.HK3-CHT10204
321	Triethylenetetramine			Kg	1	28.HK3-CHT10204
322	Giấy pH 1-14		TQ	tệp	1	29.HK3-CHE00081-A
323	Giấy lọc 102 (110mm)		TQ	hộp	1	29.HK3-CHE00081-A
324	Giấy lọc khô lớn				1	29.HK3-CHE00081-A
325	Pipet tự động 10 mL				1	29.HK3-CHE00081-A
326	Pipet tự động 2 mL				1	29.HK3-CHE00081-A
327	Erlen 100mL cổ tròn rộng		TQ	cái	1	29.HK3-CHE00081-A
328	Ống đong 100mL		TQ	cái	1	29.HK3-CHE00081-A
329	Beaker 250 mL				1	29.HK3-CHE00081-A
330	Beaker 100 mL		TQ	cái	1	29.HK3-CHE00081-A
331	Giấy vệ sinh		An An	Cuộn	1	29.HK3-CHE00081-A
332	Pipet pasteur nhựa 3ml		TQ	hộp 500c	1	29.HK3-CHE00081-A
333	NaCl		TQ	500g	1	29.HK3-CHE00081-A
334	Anhydride acetic			chai 2L	1	29.HK3-CHE00081-A
335	Tetrahydrofuran			500mL	1	29.HK3-CHE00081-A
336	Acetone			500mL	1	29.HK3-CHE00081-A
337	Ethanol			500mL	1	29.HK3-CHE00081-A
338	HCl(đđ)			500mL	1	29.HK3-CHE00081-A
339	NH ₃ (đđ)			500mL	1	29.HK3-CHE00081-A
340	H ₂ SO ₄ (đđ)			500mL	1	29.HK3-CHE00081-A
341	KI		TQ	500g	1	29.HK3-CHE00081-A
342	I ₂		TQ	500g	1	29.HK3-CHE00081-A
343	Cu			500g	1	29.HK3-CHE00081-A
344	K ₂ C ₂ O ₄			500g	1	29.HK3-CHE00081-A
345	H ₂ O ₂		TQ	500mL	1	29.HK3-CHE00081-A
346	ZnSO ₄		TQ	500g	1	29.HK3-CHE00081-A
347	AgNO ₃		TQ	100 g	1	29.HK3-CHE00081-A
348	CoCl ₂		TQ	100 g	1	29.HK3-CHE00081-

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						A
349	Cr2O3		TQ	500 g	1	29.HK3-CHE00081-A
350	Bơm khí bình chữa cháy CO2			Bình	1	30.HK3-CHE00081-B
351	Acetone công nghiệp		Việt Nam	Lít	1	30.HK3-CHE00081-B
352	Ethanol 96% (CN)		Việt Nam	Lít	1	30.HK3-CHE00081-B
353	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kĩ thuật)		TQ	can	1	31.HK3-CHT10014
354	HCl (can 30kg) Kĩ Thuật		TQ	can	1	31.HK3-CHT10014
355	NH ₃ (can 30kg) Kĩ thuật		TQ	can	1	31.HK3-CHT10014
356	Cồn 96o (can 30L)		TQ	Can 30L	1	31.HK3-CHT10014
357	ZnO		Xilong	Chai 500g	1	31.HK3-CHT10014
358	Muối biển hột NaCl		Việt Nam	Kg	1	31.HK3-CHT10014
359	Cr2O3		Việt nam	kg	1	31.HK3-CHT10014
360	Đinh sắt dài 1 cm		Việt Nam	Kg	1	31.HK3-CHT10014
361	MnO ₂ phân tích		TQ	Chai 250g	1	31.HK3-CHT10014
362	Cốc thủy tinh 1000 ml		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
363	Cốc thủy tinh 500 mL		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
364	Cốc thủy tinh 100ml		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
365	Cốc thủy tinh 250ml		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
366	Bình lắng gạn khóa PTFE 50ml		Biohall germany/Ấn	Cái	1	31.HK3-CHT10014
367	Bình cầu đáy tròn 250ml N34	217213604	Duran	Cái	1	31.HK3-CHT10014
368	Bình tam giác có vòi 250 mL		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
369	Phễu lọc sứ (phi 60 mm)		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
370	Phễu thủy tinh xếp G3-80 ML		Biohall germany/Ấn	Cái	1	31.HK3-CHT10014
371	Bình tam giác, cổ hẹp 250ml KT:34x145mm	212163605	Duran	Cái	1	31.HK3-CHT10014
372	Ống thủy tinh vuông 9×9 cm đường kính ngoài = 8 mm		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
373	Ống thủy tinh thẳng 30 cm đường kính ngoài = 8 mm		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
374	Ống thủy tinh L (7 x 20 cm, đường kính ngoài 8 mm)		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
375	Nút cao su trắng số 7 (φ = 30 → 35 → 37,5 cm)		TRUNG QUỐC	Cái	1	31.HK3-CHT10014

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
376	Nút cao su trắng số 8 ($\varphi = 33,5 \rightarrow 37,5 \rightarrow 42 \text{ cm}$)		TRUNG QUỐC	Cái	1	31.HK3-CHT10014
377	Đũa thủy tinh dài 20 cm (F6x200mm)		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
378	Buret 25 mL		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
379	Bình định mức 50 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
380	Bình định mức 100 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
381	Bình định mức 500 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
382	Bình định mức 1000 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
383	Pipet vạch 5 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
384	Pipet vạch 10 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
385	Pipet bầu 5 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
386	Pipet bầu 10 ml		TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
387	Găng tay sợi len 50g		Việt Nam	Đôi	1	31.HK3-CHT10014
388	Bếp điện đơn 1000W	ONELAB-HP-1500	ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
389	Dụng cụ gia nhiệt dây amiso trần đường kính mặt bếp là 13 cm		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
390	Phích cắm điện chân tròn điện quang PC 2A - 02		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
391	Giấy lọc f11 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
392	Giấy lọc f18 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
393	Giấy lọc f11 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
394	Giấy lọc f18 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
395	Rổ lưới bằng nhựa 45x30x15 cm (kích thước cung cấp 46.5 x 31 x 10.5 cm)		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
396	Bịch nilon kiếng 7 x 14 cm		Việt Nam	kg	1	31.HK3-CHT10014
397	Túi xốp 20x20 cm		Việt Nam	kg	1	31.HK3-CHT10014
398	Khăn lau bàn ghế 30x30 (cm)		TRUNG QUỐC	kg	1	31.HK3-CHT10014
399	Nước rửa tay Lifebouy		Việt Nam	Chai/ 450g	1	31.HK3-CHT10014
400	Nước rửa chén Sunlight 400g		Việt Nam	Chai/ 400g	1	31.HK3-CHT10014
401	Chai nhựa HDPE 500mL màu nâu, Miệng rộng		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
402	Chai nhựa HDPE 500mL màu trắng, miệng rộng		ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
403	ghế nhựa cao Duy tân ghế nhựa: Kích thước (Dài, rộng, cao) : 35 x 35 x 46 cm		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
404	Chổi quét nhà		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
405	Cây lau nhà vắt tay		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
406	Kéo 21cm		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
407	Bút bi 0.7 mm (mực đen)		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
408	Ruột chì bấm 0.5 mm 2B		Việt Nam	Hộp	1	31.HK3-CHT10014
409	Túi rác đại (64x78 cm)		Việt Nam	Kg	1	31.HK3-CHT10014
410	Ổ cắm kéo dài đa năng Lioa 3 ổ cắm (Công suất tối đa 2200W, Max 10A, 250V Số ổ cắm: 3 ổ Số lõi dây: 2 lõi Chiều dài dây: 5m	3D52N	Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
411	Đèn bàn đuôi bóng E27		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
412	Túi rác đại (55x65 cm)		Việt Nam	Kg	1	31.HK3-CHT10014
413	Bột giặt omo 4.3kg		Việt Nam	Gói/ 4.3kg	1	31.HK3-CHT10014
414	Cân Kỹ Thuật Điện Tủ 2 Số, Model:XY300-2C, ONELAB ,310g/0.01gam	XY300-2C	ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
415	Cân phân tích chuẩn ngoại 3 số lẻ, 210g Model: JA203P Thương hiệu/XX: ONELAB- Trung Quốc	JA203P	ONELAB/TQ	Cái	1	31.HK3-CHT10014
416	Băng Keo Trong 60 mm x 100 Yards - Màu Trắng		Việt Nam	Cái	1	31.HK3-CHT10014
417	Can nhựa HDPE 10L (màu trắng)		TQ		1	31.HK3-CHT10014
418	Can nhựa HDPE 10L (màu xanh dương)		TQ		1	31.HK3-CHT10014
419	Can nhựa HDPE 15L (màu trắng)		TQ		1	31.HK3-CHT10014
420	Can nhựa HDPE 15L (màu xanh dương)		TQ		1	31.HK3-CHT10014
421	Can nhựa PP 10L (màu trắng)		TQ		1	31.HK3-CHT10014
422	Bình tia nhựa 500 mL (miệng rộng)		TQ		1	31.HK3-CHT10014
423	Khẩu trang chống độc hóa chất 3M 8247		TQ		1	31.HK3-CHT10014
424	Ca nhựa 2 L - có chia		TQ		1	31.HK3-CHT10014

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	vạch					
425	Ca nhựa 1 L - có chia vạch		TQ		1	31.HK3-CHT10014
426	Ca nhựa 5L - có chia vạch		TQ		1	31.HK3-CHT10014
427	Màng bọc thực phẩm 450 x 30cm		VN		1	31.HK3-CHT10014
428	NaCl		TQ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
429	Bảng mỏng TLC pha thường	1055540001	Merck	Hộp	1	32.HK3-CHT10011-A
430	Giấy lọc tờ 60x60cm		TQ	Tờ	1	32.HK3-CHT10011-A
431	Hexane		chemsol-VN	Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
432	Toluene		chemsol-VN	Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
433	NaOH		TQ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
434	Cồn CN 96		Việt Nam	Can/ 30L	1	32.HK3-CHT10011-A
435	Acid acetic		TQ	Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
436	Na2SO4		TQ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
437	Acetone CN		Việt Nam	Can/ 30L	1	32.HK3-CHT10011-A
438	Toluene		TQ	Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
439	MeOH		TQ	Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
440	Acid oxalic		TQ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
441	Acid benzoic		TQ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
442	MeOH		Chemsol	Phuy/163 kg	1	32.HK3-CHT10011-A
443	Ống hoàn lưu dài 50 cm, ruột xoắn nhám 24/29		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
444	Bình cầu 250 ml đáy tròn, nhám 24/29		Biohall	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
445	Silica gel 230 - 400 mesh (37 - 63 mm)	GRM7484-500G	Himedia	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
446	Silica gel 60 - 200 mesh		Ấn độ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
447	Cột sắc ký khóa teflon đỏ, đường kính trong 1.5 cm, dài 30 cm		Việt Nam GC	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
448	Aluminium oxide active, neutral, For column chromatography, cas: 1344-28-1		ấn	Chai/500 g	1	32.HK3-CHT10011-A

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
449	Parafin lỏng		TQ	Gói/ 500c	1	32.HK3-CHT10011-A
450	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 145 mm		Onelab/TQ	Hộp/250 cái	1	32.HK3-CHT10011-A
451	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		Onelab	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
452	Cốc thủy tinh 100ml		Onelab/TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
453	Cốc thủy tinh 250 mL		Onelab/TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
454	Nút cao su màu trắng số 6		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
455	Nút cao su màu trắng số 5		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
456	Nút cao su màu trắng số 4		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
457	Bình cầu 1 cổ đáy tròn chịu nhiệt 100 ml, nhám 14/23		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
458	Ống Sinh hàn ruột thẳng dài 22cm nhám 24/29		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
459	Micropipet hấp tiết trùng 1kênh 100 - 1000ul		Phoenix Instrument - Đức	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
460	Chai thủy tinh có nắp vặn, 1 L		Biohall Germany	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
461	Bình Wurtz (liên hệ để lấy thông số chi tiết) - Bình wurtz 100ml, NS24/29		Việt Nam GC	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
462	Nhiệt kế 200 độ C		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
463	Đũa thủy tinh 200mm		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
464	Muỗng inox 2 đầu tròn 200mm		Onelab	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
465	Bình lỏng 125 mL (Bình lắng quả lê khóa nhựa 100ml)		Biohall Germany	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
466	Ống mao quản dài 100mm x đường kính 1.55mm, hai đầu hở, (100cái/hộp), đo điểm nóng chảy		Marienfeld-Đức	Hộp/100 cái	1	32.HK3-CHT10011-A
467	Phễu nhựa f 90 mm		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
468	Phễu thủy tinh f 60 mm		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
469	1-Naphthol		TQ	Chai/ 100g	1	32.HK3-CHT10011-A
470	2-Naphthol		TQ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
471	Acetanilide		TQ	Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
472	Bộ dụng cụ đục lỗ nút cao su		TQ	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
473	Benzamide		TQ	Chai/500g	1	32.HK3-CHT10011-A
474	Salicylic acid		TQ	Chai/500g	1	32.HK3-CHT10011-A
475	Cối chày sứ 80 mm		TQ	Bộ	1	32.HK3-CHT10011-A
476	HCl		TQ	Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
477	KOH		TQ	Chai/500g	1	32.HK3-CHT10011-A
478	H3PO4		TQ	Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
479	isopropanol		TQ	Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
480	Hexane CN (phuy)		Singapore/Thái iland	138 kg/phuy	1	32.HK3-CHT10011-A
481	Ethyl acetate CN (phuy)		Singapore/Thái iland	183 kg/phuy	1	32.HK3-CHT10011-A
482	Chloroform CN (phuy)		Singapore/Thái iland	280 kg/phuy	1	32.HK3-CHT10011-A
483	Vòng phễu để bình lắng gạn 125ml (F60mm) (Chưa bao gồm khóa đôi)		TRUNG QUỐC	Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
484	Chloroform (CHCl3)		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
485	Methanol		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
486	Cồn tuyệt đối		chemsol-VN	C/500ml	1	33.HK3-CHT10011-B
487	Ethyl acetate		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
488	Diethyl ether		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
489	Hexane		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
490	Petroleum ether 60-90		chemsol-VN	Chai 500ml	1	33.HK3-CHT10011-B
491	Toluene		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
492	Xylene		Chemsol	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
493	Etanol (CN)		VN	lít	1	33.HK3-CHT10011-B
494	Aceton (CN)		VN	lít	1	33.HK3-CHT10011-B
495	Acetophenone		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
496	Benzaldehyde		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
497	1-butanol		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
498	Cyclohexanol		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
499	AcOH tinh khiết		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
500	Acetic anhydride		TQ	c/ 2.5L	1	33.HK3-CHT10011-B
501	Aniline		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
502	N,N-Dimethylaniline		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
503	Nước tẩy Javel		VN	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
504	2-naphthol		Himedia	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
505	Sulfanilic acid		TQ	Chai/100 g	1	33.HK3-CHT10011-B
506	Anthracene		TQ	Chai 100g	1	33.HK3-CHT10011-B
507	Maleic anhydride		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
508	DL-Isoborneol		Fisher	Chai 500g	1	33.HK3-CHT10011-B
509	Hydroxyamine.HCl		TQ	Chai/100 g	1	33.HK3-CHT10011-B
510	Chloral hydrate		TQ	Chai 250g	1	33.HK3-CHT10011-B
511	p-Toluidine		TQ	Chai/250g	1	33.HK3-CHT10011-B
512	NH ₃		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
513	NaCl		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
514	NaOH		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
515	NaNO ₂		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
516	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
517	Na ₂ SO ₄		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
518	H ₃ PO ₄		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
519	HCl		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
520	H ₂ SO ₄		TQ	Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
521	KMnO ₄		VN	Chai 500ml	1	33.HK3-CHT10011-B
522	FeCl ₃ .6H ₂ O		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
523	Than hoạt tính		TQ	kg	1	33.HK3-CHT10011-B
524	Giấy pH		TQ	Hộp 20 tệp	1	33.HK3-CHT10011-B

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
525	Giấy lọc tờ		TQ	Tờ	1	33.HK3-CHT10011-B
526	Găng tay y tế màu trắng không bột		Malaysia	Hộp	1	33.HK3-CHT10011-B
527	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 150 mm		Đức	Hộp/250 cái	1	33.HK3-CHT10011-B
528	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 250 mm		Đức	Hộp/250 cái	1	33.HK3-CHT10011-B
529	Ống đong thủy tinh 10 ml		TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
530	Ống đong thủy tinh 25 ml		TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
531	Becher 100 ml		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
532	Becher 250 ml		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
533	Becher 500 ml		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
534	Becher 1000 ml		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
535	Erlen 50 ml		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
536	Erlen 250 ml, nhám 29/32, có nắp teflon		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
537	Erlen 250 ml có vòi, nhám 29/32		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
538	Đũa thủy tinh (loại 20-25cm)		Onelab/TQ	Cây	1	33.HK3-CHT10011-B
539	Phễu thủy tinh $\theta = 100$ mm		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
540	Phễu thủy tinh $\theta = 100$ mm, đuôi cụt		Onelab/TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
541	Nhiệt kế rượu 200 oC		TQ	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
542	Đĩa Petri $\theta = 100 \times 15$ mm		Dinlab Germany	Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
543	Giấy pH 1-14		TQ	Tập	1	(1)CHE00081_A_C_Q
544	Giấy lọc 102 (110mm)		TQ	Hộp/ 100t	1	(1)CHE00081_A_C_Q
545	Đũa thủy tinh (dài 250mm)		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q
546	Bình Tia nước (500ml)		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q
547	Chai nhỏ giọt LDPE 125mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q
548	Chai nhỏ giọt LDPE 60mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q
549	Cân nhựa 5L-vuông-đựng Hóa Chất (Màu trắng)		VN	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q
550	Erlen 100mL cổ tròn rộng		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q
551	Ống đong 100mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q
552	ống đong 10mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)CHE00081_A_C_Q

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
553	Ống nghiệm 15mm×100mm (Ống nghiệm thủy tinh F16x100mm)		Biohall germany	Cái	1	(1)CHE00081_A_C Q
554	NaCl		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
555	Anhydride acetic	A/0480/PB1 7	Fisher	Chai/ 2,5L	1	(1)CHE00081_A_C Q
556	KI		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
557	KOH		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
558	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
559	Cu		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
560	Zn		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
561	Mg		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
562	I ₂		TQ	Chai/ 250g	1	(1)CHE00081_A_C Q
563	K ₂ C ₂ O ₄		TQ	Chai/ 500g	1	(1)CHE00081_A_C Q
564	Hexan		Chemsol/ Việt Nam	Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q
565	Toluen		Chemsol/ Việt Nam	Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q
566	Cyclohexen (C ₆ H ₁₀) (Không hóa đơn)		TQ	Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q
567	Isopropanol (2-propanol)		Chemsol/ Việt Nam	Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q
568	Isoamyl alcohol		TQ	Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q
569	Ethanol Công nghiệp		Việt nam	Can/ 30L	1	(1)CHE00081_A_C Q
570	H ₂ O ₂		TQ	Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q
571	Nạp bình chữa cháy			Bình	1	TH HĐC1_B_MĐT
572	Vật tươi thực hành				1	TH HĐC1_B_MĐT
573	Giấy pH 1-14		TQ	Tập	1	(2)CHE00082_CQ
574	Giấy lọc 102 (110mm)		TQ	Hộp/ 100t	1	(2)CHE00082_CQ
575	Đũa thủy tinh (dài 250mm)		Onelab/ TQ	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
576	Bình Tia nước (500ml)		Onelab/ TQ	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
577	Chai nhỏ giọt LDPE 125mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
578	Chai nhỏ giọt LDPE 60mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
579	Can nhựa 5L-vuông-đựng Hóa Chất (Màu Xanh)		VN	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
580	Erlen 100mL cổ tròn		Onelab/ TQ	Cái	1	(2)CHE00082_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	rộng					
581	Ống đong 100mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
582	ống đong 10mL		Onelab/ TQ	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
583	Ống nghiệm 15mm×100mm (Ống nghiệm thủy tinh F16x100mm)		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE00082_CQ
584	NaCl		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
585	Anhydride acetic	A/0480/PB1 7	Fisher	Chai/ 2.5L	1	(2)CHE00082_CQ
586	KI		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
587	KOH		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
588	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
589	Cu		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
590	Zn		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
591	Mg		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
592	I ₂		TQ	Chai/ 250g	1	(2)CHE00082_CQ
593	K ₂ C ₂ O ₄		TQ	Chai/ 500g	1	(2)CHE00082_CQ
594	Hexan		Chemsol/ Việt Nam	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ
595	Toluen		Chemsol/ Việt Nam	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ
596	Cyclohexen (C ₆ H ₁₀) (Không hóa đơn)		TQ	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ
597	Isopropanol (2-propanol)		Chemsol/ Việt Nam	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ
598	Isoamyl alcohol		TQ	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ
599	Ethanol Công nghiệp		Việt nam	Can/ 30L	1	(2)CHE00082_CQ
600	H ₂ O ₂		TQ	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ
601	Quặng Bauxite				1	(3)CHE10017_CQ
602	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kĩ thuật)		TQ	can	1	(3)CHE10017_CQ
603	HCl (can 30kg) Kĩ Thuật		TQ	can	1	(3)CHE10017_CQ
604	NH ₃ (can 30kg) Kĩ thuật		TQ	can	1	(3)CHE10017_CQ
605	Cồn 96o (can 30L)		TQ	Can 30L	1	(3)CHE10017_CQ
606	Đá san hô				1	(3)CHE10017_CQ
607	ZnO (PA)		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
608	KOH		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
609	CH ₃ COOH (PA)		Xilong	chai 500 mL	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
610	EDTA (PA)	2Na	TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
611	CH ₃ COONa (PA)		TQ	chai 500 mL	1	(3)CHE10017_CQ
612	Chi thị Xylenol Cam		TQ	Chai 5g	1	(3)CHE10017_CQ
613	ZnSO ₄	7H ₂ O	Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
614	Muối biển hột NaCl		VN	Bịch 1kg	1	(3)CHE10017_CQ
615	(NH ₄) ₂ C ₂ O ₄		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
616	BaCl ₂	BaCl ₂ .2H ₂ O	Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
617	NH ₄ Cl		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
618	Na ₂ HPO ₄	Na ₂ HPO ₄ 12H ₂ O	Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
619	NaCl (PA)		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
620	NaHCO ₃		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
621	CaCl ₂	Khan	Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
622	HNO ₃ (PA)		Xilong	Chai 500mL	1	(3)CHE10017_CQ
623	AgNO ₃ (PA)		TQ	Chai 100g	1	(3)CHE10017_CQ
624	MgSO ₄	MgSO ₄ .7H ₂ O	Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
625	CuSO ₄	5h ₂ o	Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
626	NaOH		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
627	AlCl ₃	AlCl ₃ .6h ₂ o	Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
628	SnCl ₄	SnCl ₄ .5H ₂ O	TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
629	Na ₂ CO ₃		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
630	Pb(CH ₃ COO) ₂		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
631	Ca(OH) ₂		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
632	Pb(NO ₃) ₂		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
633	Zn kim loại		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
634	Sn Kim loại		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
635	KI		TQ/Fisher	Chai/500 g	1	(3)CHE10017_CQ
636	Na ₂ S ₂ O ₃		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
637	KBr		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
638	FeCl ₃		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
639	KMnO ₄		VN	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
640	Na ₂ SO ₃		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
641	H ₂ O ₂ 30% (PA)		Xilong	Chai 500mL	1	(3)CHE10017_CQ
642	NaNO ₂		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
643	KIO ₃		TQ	Chai 250g	1	(3)CHE10017_CQ
644	K ₂ Cr ₂ O ₇		Xilong	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
645	Cr(NO ₃) ₃		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
646	NaNO ₃		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
647	NaHS rắn		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
648	K ₂ C ₂ O ₄		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
649	Ethanol (PA)		Xilong	Chai 500mL	1	(3)CHE10017_CQ
650	Becher 1 lít chịu nhiệt		Onelab /TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
651	Becher 500 ml chịu nhiệt		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
652	Becher 100 ml đường kính 5.7 cm , chiều cao 7.2 cm chịu nhiệt		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
653	Becher 250 ml đường kính 7.5 cm, chiều cao 9.5 cm chịu nhiệt		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
654	Bầu brom 60 ml khóa nhựa teflon 50ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
655	Bình cầu 250 mL Schott Duran (vừa nút cao su số 7, phi trong = 31 mm)		Đức	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
656	Bình tam giác có vòi 250 mL (đường kính bên trong cổ f 32 đến 34 mm; đường kính bên ngoài cổ f 40 đến 44 mm)		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
657	Phễu lọc sứ (phi 60 mm)		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
658	Phễu lọc nhựa (phi 75 mm)		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
659	Phễu thủy tinh xếp G3, 100 mL (phi trong = 61 mm)		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
660	Erlen 250 mL Schott Duran (vừa nút số 7, phi trong = 31.5 mm)		Duran	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
661	Ống thủy tinh vuông 9×9 cm đường kính ngoài = 8 mm		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
662	Ống thủy tinh thẳng 30 cm đường kính ngoài = 8 mm		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
663	Ống thủy tinh L (7 x 20 cm, đường kính ngoài 8 mm)		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
664	Nút cao su trắng số 7 ($\varphi = 30 \rightarrow 35 \rightarrow 37,5$ cm)		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
665	Nút cao su trắng số 8 ($\varphi = 33,5 \rightarrow 37,5 \rightarrow 42$ cm)		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
666	Đũa thủy tinh dài 20 cm		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
667	Buret 25 mL		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
668	Bình định mức 50 ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
669	Bình định mức 100 ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
670	Bình định mức 500 ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
671	Bình định mức 1000		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	ml					
672	Pipet vạch 5 ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
673	Pipet vạch 10 ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
674	Pipet bầu 5 ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
675	Pipet bầu 10 ml		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
676	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
677	Dụng cụ bếp điện đơn Perfect HP789-1 - 1000W		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
678	Dụng cụ gia nhiệt dây amiso trần đường kính mặt bếp là 13 cm		Việt Nam	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
679	Ống gen cách điện sợi thủy tinh D5 (8 mm)		VN	Sợi	30	(3)CHE10017_CQ
680	Phích cắm điện chân tròn điện quang PC 2A - 02		Việt Nam	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
681	Giấy lọc f11 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	(3)CHE10017_CQ
682	Giấy lọc f18 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	(3)CHE10017_CQ
683	Giấy lọc f11 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	(3)CHE10017_CQ
684	Giấy lọc f18 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	(3)CHE10017_CQ
685	Sóng hồ 1T9 (Kích thước 62.6 x 42.4 x 19 cm, chất liệu HDPE)		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
686	Sóng hồ 1T5 (Kích thước 62.6 x 42.4 x 15 cm, chất liệu HDPE)		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
687	Rổ lưới bằng nhựa 45x30x15 cm (kích thước cung cấp 46.5 x 31 x 10.5 cm)		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
688	Bịch nilon PE 7 x 14 cm				1	(3)CHE10017_CQ
689	Bịch nilon kiếng 7 x 14 cm		Việt Nam	kg	1	(3)CHE10017_CQ
690	Túi xốp 20x20 cm		VN	kg	1	(3)CHE10017_CQ
691	Chai nhựa HDPE 500mL màu nâu		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
692	Chai nhựa HDPE 500mL màu trắng		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
693	Dụng cụ Cân kỹ thuật điện tử 2 số lẻ ONELAB (310g/10mg-0.01gam) - chuẩn ngoại		Onelab	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
694	Khóa đôi thí nghiệm		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
695	Vòng inox (phi 70 mm) (Ring 80mm, insize:66mm,Length 195mm (Chưa bao gồm khóa đôi))		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
696	Kẹp cổ bình cầu		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
697	Kẹp buret bằng nhựa		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
698	Chân giá thí nghiệm 14x19 cm (bộ nhỏ)		Việt nam	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
699	Xô nhựa Duy tân 20 Lít Kích thước: 37x34x33 cm có nắp đậy có quai xách		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
700	Găng tay nitrile size L không bột		VN	Hộp 100 cái	1	(3)CHE10017_CQ
701	Can nhựa HDPE 10L (màu trắng) - can vuông		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
702	Can nhựa HDPE 10L (màu xanh dương) - can vuông		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
703	Can nhựa HDPE 15L (màu trắng) - can vuông		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
704	Can nhựa HDPE 15L (màu xanh dương)		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
705	Can nhựa PP 10L (màu trắng)		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
706	Bình tia nhựa 500 mL (miệng rộng)		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
707	Khẩu trang chống độc hóa chất 3M 8247		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
708	Ca nhựa 2 L - có chia vạch		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
709	Ca nhựa 1 L - có chia vạch		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
710	Ca nhựa 5L - có chia vạch		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
711	Bình lọc chân không 1L		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
712	Phễu lọc sứ phi 200 mm		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
713	Vòng đệm Guko cho phễu lọc		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
714	Giá đỡ ống nghiệm 6 lỗ		TQ		1	(3)CHE10017_CQ
715	ghế nhựa cao Duy tân ghế nhựa: Kích thước (Dài, rộng, cao) : 35 x 35 x 46 cm		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
716	Chổi quét nhà		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
717	Ki hốt rác		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
718	Cây lau nhà vắt tay		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
719	Kéo 21cm		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
720	Hồ nước dán giấy		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
721	Kim bấm số 10		VN	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
722	Băng keo 46.5 x 72 mm		TQ	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
723	Ruột chì bấm 0.5 mm 2B		VN	Hộp	1	(3)CHE10017_CQ
724	Túi rác đại (64x78 cm)		VN	Kg	1	(3)CHE10017_CQ
725	Túi rác đại (55x65 cm)		VN	Kg	1	(3)CHE10017_CQ
726	Bột giặt Omo 4.5 kg	4.3kg	VN	Bịch	1	(3)CHE10017_CQ
727	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)		TQ	kg	1	(3)CHE10017_CQ
728	Xà bông cục safeguard 125g		VN		1	(3)CHE10017_CQ
729	Hộp Bút Gel Thiên Long GEL-09 - Mực Đỏ		VN		1	(3)CHE10017_CQ
730	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đỏ		VN	hộp	1	(3)CHE10017_CQ
731	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đen		VN	hộp	1	(3)CHE10017_CQ
732	Gỗ tấm dài 2m, rộng 30 cm, dày 1.5 cm, phủ keo bóng 2 mặt		VN		1	(3)CHE10017_CQ
733	Ethanol 99.5%		Chemsol-VN	Chai/1lít	10	(4)CHE10013_CQ
734	Biphenyl		Acros	5kg	1	(4)CHE10013_CQ
735	Hexane		Chemsol/VN	Bình/5l	5	(4)CHE10013_CQ
736	NH ₄ Cl		TQ	chai/500g	4	(4)CHE10013_CQ
737	chloroform		Chemsol/VN	Chai/500 ml	30	(4)CHE10013_CQ
738	iodine		TQ	500g/chai	1	(4)CHE10013_CQ
739	NH ₄ NO ₃		TQ	500g/chai	2	(4)CHE10013_CQ
740	Acetone		Chemsol/VN	Chai/500 ml	50	(4)CHE10013_CQ
741	KCl		TQ	chai/500g	4	(4)CHE10013_CQ
742	KI		TQ	chai/500g	4	(4)CHE10013_CQ
743	NaOH		TQ	chai/500g	6	(4)CHE10013_CQ
744	PVA		TQ	chai/500g	10	(4)CHE10013_CQ
745	Bình tia nhựa 500 mL, màu đỏ		Onelab	cái	30	(4)CHE10013_CQ
746	Bình tia nhựa 500 mL, màu vàng		Onelab	cái	30	(4)CHE10013_CQ
747	Chổi rửa ống nghiệm		VN	cái	20	(4)CHE10013_CQ
748	Túi rác đại (64x78 cm)		VN	Kg	5	(4)CHE10013_CQ
749	Quả bóp cao su (quả lê)			cái	40	(4)CHE10013_CQ
750	Bình định mức trắng, 25 ml		Onelab	cái	40	(4)CHE10013_CQ
751	Chai trung tính nâu 250 ml		Biohall-Đức	cái	40	(4)CHE10013_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
752	Nhớt kể			cái	4	(4)CHE10013_CQ
753	Than hoạt tính		TQ	túi nylon/500 g	6	(5)CHE10014_CQ
754	KI		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10014_CQ
755	Ethanol absolute (chai 1L)		Chemsol-VN	chai 1 lít	40	(5)CHE10014_CQ
756	Iodine		TQ	chai 250g	1	(5)CHE10014_CQ
757	Methylene Blue		TQ	chai 25g	2	(5)CHE10014_CQ
758	FeCl3		TQ	chai/500g	2	(5)CHE10014_CQ
759	Oxalic acid		TQ	chai/500g	2	(5)CHE10014_CQ
760	FeSO4		TQ	chai/500g	2	(5)CHE10014_CQ
761	Cân điện tử 3 số lẻ, 220g - 0.001g		Ohaus-USA	cái	3	(5)CHE10014_CQ
762	chai thủy tinh trắng nút nhám, 125 mL		TQ	cái	30	(5)CHE10014_CQ
763	chai trung tính trắng, 1 lít		Duran	cái	10	(5)CHE10014_CQ
764	chai trung tính trắng, 100ml		Duran	cái	50	(5)CHE10014_CQ
765	chai trung tính trắng, 50ml		Duran	cái	50	(5)CHE10014_CQ
766	Máy khuấy từ không gia nhiệt, kg màn hình digital			cái	10	(5)CHE10014_CQ
767	Vial 2 ml, màu nâu		Onelab/TQ	chai	20	(5)CHE10014_CQ
768	Bình tam giác, 250 mL		Onelab/TQ	cái	100	(5)CHE10014_CQ
769	Chai thủy tinh trắng nút nhám, 30 ml		TQ	cái	60	(5)CHE10014_CQ
770	Chai thủy tinh trắng nút nhám, 60 ml		TQ	cái	60	(5)CHE10014_CQ
771	Nước rửa tay lifebouy			Chai/1kg	10	(5)CHE10014_CQ
772	Nước rửa dụng cụ thủy tinh, Sunlight			Bịch/3.8kg	5	(5)CHE10014_CQ
773	Chổi quét phòng TT			cây	5	(5)CHE10014_CQ
774	Hydroxylamine HCl		TQ	Chai/100g	2	(6)CHE10016_CQ
775	1,10-phenanthroline		TQ	C/5g	2	(6)CHE10016_CQ
776	AgNO3		TQ	Chai 100g	4	(6)CHE10016_CQ
777	Muối Mohr Fe (II)		TQ	Chai 500g	2	(6)CHE10016_CQ
778	KI		TQ/Fisher	Chai/500 g	2	(6)CHE10016_CQ
779	KCl		TQ	chai 500g	2	(6)CHE10016_CQ
780	Ethanol absolute		chemsol-VN	Chai/500 mL	20	(6)CHE10016_CQ
781	Mg(NO3)2		TQ	chai 500g	1	(6)CHE10016_CQ
782	Acetone công nghiệp		VN	Can 30L	1	(6)CHE10016_CQ
783	Argon	40L	VN	Bình	1	(6)CHE10016_CQ
784	Muối biển		VN	Bịch 1kg	10	(6)CHE10016_CQ
785	Cuvet thủy tinh l =1cm		TQ	Cái	6	(6)CHE10016_CQ
786	Khí H2 99.999 %		VN	Bình	3	(6)CHE10016_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
787	Khí N2 99.995%		VN	Bình	4	(6)CHE10016_CQ
788	Khí Acetylen		VN	Bình	2	(6)CHE10016_CQ
789	Becher 100 ml		Onelab /TQ	Cái	20	(6)CHE10016_CQ
790	Becher 250 ml		Onelab/TQ	Cái	20	(6)CHE10016_CQ
791	Becher 500 ml		Onelab/TQ	Cái	10	(6)CHE10016_CQ
792	Becher 1000 ml		Onelab/TQ	Cái	5	(6)CHE10016_CQ
793	Giấy cân 100*100mm		Onelab/TQ	Hộp 100 cái	1	(6)CHE10016_CQ
794	Bình định mức 50 mL		Onelab/TQ	Cái	20	(6)CHE10016_CQ
795	Bộ muông cân		Onelab/TQ	Bộ 3c	1	(6)CHE10016_CQ
796	Khay đựng vial 2mL, 50 vị trí		TQ	cái	1	(6)CHE10016_CQ
797	Màng lọc PTFE 25mm , 0.45 µm , Membrane solution		Nhật	Hộp	1	(6)CHE10016_CQ
798	MÁY KHUẤY TỪ KHÔNG GIA NHIỆT - Thể tích khuấy : 3 lít (H2O) - Đĩa đặt mẫu : plastic - Kích thước đĩa : Ø 135 - Kích thước (W x D x H) : 150 x 260 x 80 mm - Màn hình LED hiển thị tốc độ khuấy	RSM-10B	Phoenix Instrument Germany	Cái	2	(6)CHE10016_CQ
799	Nắp vial 2mL đệm PTFE		Onelab/TQ	Gói 100c	5	(6)CHE10016_CQ
800	Vial 2mL đệm PTFE		Onelab/TQ	Gói 100c	5	(6)CHE10016_CQ
801	Đầu tuýp 5000µL	28075	Flmedical/Italy	Gói/1000c	2	(6)CHE10016_CQ
802	Màng lọc cenlulose acetate 0.45 µm HPLC47mm 11106-47		Membrane solutions/ Nhật	hộp /200tờ	1	(6)CHE10016_CQ
803	Parafilm	PM996	Mỹ	Cuộn	2	(6)CHE10016_CQ
804	Bộ muông cân		Onelab/TQ	Bộ/3c	5	(6)CHE10016_CQ
805	Ferrule, 0.3mm Graphite 0.25 col 10/PK (Ferrule cho GC-FID, cột đkính 0.25mm)		Agilent	Gói	1	(6)CHE10016_CQ
806	Ferrule, 0.5mm Graphite 0.32 col 10/PK (Ferrule cho GC-FID, cột đkính 0.32mm)		Agilent	Gói	1	(6)CHE10016_CQ
807	Split/splitless Liner, GC 5890 Agilent		Agilent	gói	1	(6)CHE10016_CQ
808	Giấy vệ sinh An An		VN	cuộn	1	(6)CHE10016_CQ
809	chổi quét nhà		VN	Cái	1	(6)CHE10016_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
810	Bao rác loại đại		VN	kg	1	(6)CHE10016_CQ
811	Nước rửa chén		VN	Chai 400g	1	(6)CHE10016_CQ
812	Nước rửa tay		VN	chai 500ml	1	(6)CHE10016_CQ
813	Băng keo trong cuộn dày		VN	cuộn	5	(6)CHE10016_CQ
814	Kéo 21cm		VN	Cái	2	(6)CHE10016_CQ
815	Găng tay nitrile size M không bột		VN	Hộp 100 cái	5	(6)CHE10016_CQ
816	Găng tay nitrile size L không bột		VN	Hộp 100 cái	5	(6)CHE10016_CQ
817	Solvent inlet filter, stainless steel	Agilent	Mỹ	cái/hộp	2	(6)CHE10016_CQ
818	Pipette pasteur 1.5 mL thủy tinh (loại dài 250 mm)		Hirschman	Hộp/250c	4	(6)CHE10016_CQ
819	Nhiệt kế cồn 200 độ C		TQ	Cái	1	(6)CHE10016_CQ
820	Bình định mức 25 mL		Onelab/TQ	Cái	20	(6)CHE10016_CQ
821	Bình định mức 10 mL		Onelab/TQ	Cái	1	(6)CHE10016_CQ
822	Bao rác loại đại		VN	kg	1	(6)CHE10016_CQ
823	Pipet thẳng 1ml		isolab	Cái	10	(6)CHE10016_CQ
824	Pipet thẳng 2ml		isolab	Cái	10	(6)CHE10016_CQ
825	Pipet thẳng 5ml		isolab	cái	10	(6)CHE10016_CQ
826	Pipet thẳng 10ml		isolab	Cái	10	(6)CHE10016_CQ
827	Bơm rocker 400		Đài Loan	Cái	1	(6)CHE10016_CQ
828	Bể rửa siêu âm Elma S 10 H, Thể tích bể: 0.8 lít (190 x 85 x 60 mm) - Kích thước giỏ lưới: 177 x 73 x 30 mm - Tần số siêu âm: 37 kHz - Hẹn giờ: hoạt động liên tục hoặc ngắt theo thời gian từ 1 - 30 phút - Chức năng gia nhiệt: max. 80°C - Vật liệu: Vỏ và lòng bể đều bằng thép không rỉ.		ELMA - GERMANY	Cái	1	(6)CHE10016_CQ
829	Cuvet thủy tinh l =1cm		TQ	Cái	1	(6)CHE10016_CQ
830	Split/splitless Liner, GC 6890 Agilent		Agilent	gói	1	(6)CHE10016_CQ
831	Acetone công nghiệp		VN	Can 30L	1	(6)CHE10016_CQ
832	Cá từ 3cm		Dinlab Germany	Cái	1	(6)CHE10016_CQ
833	DỤNG CỤ KHUẤY TỬ MINI SH-II-3		Faithful-T.Quốc	Cái	2	(6)CHE10016_CQ
834	Bộ quả chuẩn M1		TQ	Bộ	2	(6)CHE10016_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	1mg-100g					
835	Diethyl ether		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
836	Hexane		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
837	Petroleum ether 60-90		chemsol-VN	Chai 500ml	1	(7)CHE10012_CQ
838	Toluene		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
839	Xylene		Chemsol	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
840	Etanol 96-99% (CN)		VN	165 kg/phuy	1	(7)CHE10012_CQ
841	Aceton (CN)		VN	160 kg/phuy	1	(7)CHE10012_CQ
842	Acetonphenone		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
843	Benzaldehyde		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
844	1-butanol		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
845	Cyclohexanol		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
846	AcOH tinh khiết		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
847	Aniline		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
848	N,N-Dimethylaniline		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
849	Nước tẩy Javel		VN	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
850	2-naphthol	GRM1292-500G	Himedia	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
851	Anthranilic acid		TQ	Chai 100g	1	(7)CHE10012_CQ
852	Sulfanilic acid		TQ	Chai/100 g	1	(7)CHE10012_CQ
853	Anthracene		TQ	Chai 100g	1	(7)CHE10012_CQ
854	Maleic anhydride		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
855	DL-Isoborneol		Fisher	Chai 500g	1	(7)CHE10012_CQ
856	Hydroxyamine.HCl		TQ	Chai/100 g	1	(7)CHE10012_CQ
857	Chloral hydrate		TQ	Chai 250g	1	(7)CHE10012_CQ
858	p-Toluidine		TQ	Chai/250g	1	(7)CHE10012_CQ
859	Ninhydrin		TQ	Chai 5g	1	(7)CHE10012_CQ
860	NH ₃ đậm đặc (PA)		TQ	Chai 500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
861	Brom lỏng nguyên chất (nắp nhựa)		TQ	C/500ml	1	(7)CHE10012_CQ
862	NaCl		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
863	NaOH		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
864	NaNO ₂		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
865	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
866	Na ₂ SO ₄		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
867	NaHSO ₃		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
868	H ₃ PO ₄		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
869	HCl		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
870	H ₂ SO ₄		TQ	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
871	KMnO ₄		VN	Chai 500ml	1	(7)CHE10012_CQ
872	FeCl ₃ .6H ₂ O		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
873	Than hoạt tính		TQ	kg	1	(7)CHE10012_CQ
874	Silica gel 60, 0,04 - 0,06 mm, for flash - SiO ₂	GE00481000	Scharlau	Chai/1 kg	1	(7)CHE10012_CQ
875	Silica gel 230 - 400 mesh	GRM7484-500G	Himedia	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
876	TLC silica gel 60 F ₂₅₄		Merck	Hộp/25 tờ	1	(7)CHE10012_CQ
877	Giấy pH	onelab	TQ	Hộp 20 tệp	1	(7)CHE10012_CQ
878	Giấy lọc tờ 60x60cm		TQ	Tờ	1	(7)CHE10012_CQ
879	Găng tay y tế màu trắng không bột		Malaysia	Hộp	1	(7)CHE10012_CQ
880	Cloroform		Labscan	C/4L	1	(8)CHE10305_CQ
881	Etanol		TQ	C/500ml	1	(8)CHE10305_CQ
882	Butyl acetate		TQ	C/500ml	1	(8)CHE10305_CQ
883	NH ₃		TQ	C/500ml	1	(8)CHE10305_CQ
884	Khí C ₂ H ₂		VN	bình	1	(8)CHE10305_CQ
885	Khí H ₂ 99.999 %		VN	Bình	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
886	Khí N ₂ 99.995%		VN	Bình	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
887	Acetone		Merck	Chai/2.5L	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
888	Metahnlol HPLC		Fisher	Chai 4 L	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
889	Ethanol	E/0650DF/17	Fisher	Chai 2.5 L	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
890	Ethanol		Chemsol	Chai 500mL	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
891	Nắp vial 2mL đệm PTFE		Onelab/TQ	Gói 100c	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
892	Vial 2mL		Onelab/TQ	Gói 100c	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
893	Syrine nhựa 3mL		Việt Nam	Hộp 100 cái	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
894	Bình thủy tinh nắp vặn 500mL		Isolab/Biohall	Cái	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
895	trans-1,2 diaminocyclohexane-N,N,N',N'-tetraacetic acid (CDTA) code : 8410320025,	Merck	Đức	Hũ 25g	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
896	N-(1-naphthyl)ethylenediamine dihydrochloride		TQ	Chai 10g	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
897	HCl		TQ	Chai 500ml	1	(10)CHE10324_CQ
898	H2SO4		TQ	Chai 500ml	1	(10)CHE10324_CQ
899	HNO3		TQ	Chai 500ml	1	(10)CHE10324_CQ
900	H3PO4		TQ	Chai 500ml	1	(10)CHE10324_CQ
901	NH3		TQ	Chai 500ml	1	(10)CHE10324_CQ
902	CH3COOH		TQ	Chai 500ml	1	(10)CHE10324_CQ
903	CH3COONa		TQ	Chai 500g	1	(10)CHE10324_CQ
904	CuSO4		TQ	Chai 500g	1	(10)CHE10324_CQ
905	NaOH		TQ	Chai 500g	1	(10)CHE10324_CQ
906	FeSO4		TQ	Chai 500g	1	(10)CHE10324_CQ
907	1,10 phenanthroline		TQ	Chai 5g	1	(10)CHE10324_CQ
908	hydroxylamine		TQ	Chai 100g	1	(10)CHE10324_CQ
909	acid ascorbic		TQ	Chai 5g	1	(10)CHE10324_CQ
910	Giấy lọc		TQ	Hộp	1	(10)CHE10324_CQ
911	Giấy pH		TQ	Hộp	1	(10)CHE10324_CQ
912	Phễu lọc G4		Đức	Cái	1	(10)CHE10324_CQ
913	Bếp hồng ngoại		TQ	Cái	1	(10)CHE10324_CQ
914	Beaker 100 mL		TQ	Cái	1	(10)CHE10324_CQ
915	Beaker 250 mL		TQ	Cái	1	(10)CHE10324_CQ
916	Chén nung sứ 50 mL (hoặc 40 mL) có nắp		TQ	Cái	1	(10)CHE10324_CQ
917	Dược liệu cây thuốc tươi		VN		1	(11)CHE10606-CQ
918	Becher 100 ml		Onelab/ TQ	Cái	1	(11)CHE10606-CQ
919	Becher 250 ml		Onelab/ TQ	Cái	1	(11)CHE10606-CQ
920	Bao rác loại đại		VN	kg	1	(11)CHE10606-CQ
921	Quả bóp cao su		Onelab/TQ	cái	1	(11)CHE10606-CQ
922	Ống nghiệm 15mm×100mm (Ống nghiệm thủy tinh F16x100mm)		Biohall germany	Cái	1	(11)CHE10606-CQ
923	Đầu bóp silicon 2 mL gắn pasteur pipet		Onelab/ TQ	Cái	1	(11)CHE10606-CQ
924	EtOH (tuyệt đối, chai nhựa)		Cemaco	1 L	1	(11)CHE10606-CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
925	Methanol		TQ	500 mL	1	(11)CHE10606-CQ
926	Chloroform		Labscan	500 mL	1	(11)CHE10606-CQ
927	Ethyl acetate		TQ	chai/500 mL	1	(11)CHE10606-CQ
928	Acetone		TQ	chai/500 mL	1	(11)CHE10606-CQ
929	Bảng mỏng silicagel F254		Merck/Đức	Hộp	1	(11)CHE10606-CQ
930	Đầu bóp silicon 2 mL gắn pasteur pipet		Onelab/ TQ	Cái	1	(11)CHE10606-CQ
931	Giấy pH 1-14			tệp	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
932	Giấy lọc 102 (110mm)			hộp	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
933	Đũa thủy tinh (dài 250mm)			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
934	Bình Tia nước (500ml)	D00005/051	ONELAB	cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
935	Can nhựa 10L (HDPE)			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
936	Erlen 100mL cổ tròn rộng			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
937	Erlen 250mL cổ tròn rộng			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
938	Ống đong 100mL			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
939	Ống đong 50mL			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
940	Beaker 2L			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
941	Beaker 250 mL			cái	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
942	Giấy vệ sinh			cuộn	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
943	Pipet nhựa hộp 500 c			hộp	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
944	NaCl			500g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
945	Anhydride acetic	A/0480/PB1 7	Anhydride acetic	chai 2.5L	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
946	KI			500g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
947	I2			500g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
948	K ₂ C ₂ O ₄			500g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
949	Hexan			Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
950	Toluen			Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
951	Cyclohexen (C ₆ H ₁₀)			500mL	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
952	Isopropanol			Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
953	Ethanol Công nghiệp			Lít	1	(1)CHE00081_A_C

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						Q_HK2
954	Cu			500 g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
955	H2O2			500mL	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
956	AgNO3			100 g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
957	CoCl2			100 g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
958	Cr2O3			500 g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
959	FeCl3.6H2O			500 g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
960	ZnSO4.7H2O			500 g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
961	MeOH			500 mL	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
962	HNO3(đđ)			500 mL	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
963	Na2S			500 g	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
964	Giấy lọc 60x60 (VN)			tờ	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
965	n-Butanol			500 mL	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
966	Aniline			500 mL	1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
967	Vật liệu tươi				1	(1)CHE00081_A_C Q_HK2
968	Nạp bình chữa cháy			Bình	1	TH HĐC1_B_MĐT
969	Vật tươi thực hành				1	TH HĐC1_B_MĐT
970	Giấy pH 1-14			tệp	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
971	Giấy lọc 102 (110mm)			hộp	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
972	Đũa thủy tinh (dài 250mm)		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
973	Bình Tia nước (500ml)		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
974	Can nhựa 10L (HDPE)		cái	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
975	Erlen 100mL cổ tròn rộng		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
976	Erlen 250mL cổ tròn rộng		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
977	Ống đong 100mL		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
978	Ống đong 50mL		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
979	Beaker 2L		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
980	Beaker 250 mL		TQ	cái	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
981	Giấy vệ sinh		AN AN	cuộn	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2
982	Pipet nhựa hộp 500 c		TQ	hộp	1	(2)CHE00082_CQ_ HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
983	Găng tay nitrile size L		VN	Hộp/100c	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
984	Găng tay nitrile size M		VN	Hộp/100c	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
985	NaCl		TQ	500g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
986	Anhydride acetic	A/0480/PB1 7	Fisher	chai 2.5L	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
987	KI		TQ	500g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
988	I2			500g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
989	K2C2O4			500g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
990	Hexan		Chemsol/VN	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
991	Toluen		Chemsol/VN	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
992	Dĩa Petri, phi 18 cm			bộ	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
993	H3PO3		Acros	500g/c	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
994	Cyclohexen (C6H10)			500mL	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
995	Isopropanol		Chemsol/VN	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
996	Ethanol Công nghiệp			Lít	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
997	Cu		TQ	500 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
998	H2O2		TQ	500mL	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
999	AgNO3		TQ	100 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1000	CoCl2		TQ	100 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1001	Cr2O3		TQ	500 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1002	FeCl3.6H2O		TQ	500 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1003	ZnSO4.7H2O		TQ	500 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1004	MeOH		TQ	500 mL	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1005	HNO3(đđ)		TQ	500 mL	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1006	Na2S		TQ	500 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1007	Aniline		Xilong	500 mL	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1008	n-Butanol		Xilong	500 mL	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1009	Giấy lọc 60x60 (VN)		VN	tờ	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
1010	Folin-Ciocalteu's phenol reagent	1090010100	Merck	Chai/100 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1011	Chuẩn Au 1000 mg/L		Merck	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1012	Sodium tetraphenylborate		TQ	Chai/250g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1013	AgNO ₃		TQ	Chai/100g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1014	Cồn 96, Công nghiệp		VN	Lít	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1015	CH ₃ COONa khan		TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1016	Na ₂ S (9H ₂ O)		TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1017	Nitrobenzen		TQ	Chai/500 ml	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1018	Ethanol		Chemsol/VN	Chai/500 ml	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1019	Ethyl acetate		Chemsol/VN	Chai/500 ml	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1020	FeSO ₄	7H ₂ O	TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1021	Fe(NO ₃) ₃		TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1022	H ₂ SO ₄		TQ	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1023	HNO ₃		TQ	Chai/500 ml	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1024	HCl		TQ	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1025	KIO ₄		TQ	Chai/100g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1026	Zn(NO ₃) ₂ .6H ₂ O		TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1027	KI		Fisher	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1028	NH ₃		TQ	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1029	H ₂ O ₂		TQ	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1030	CH ₃ COOH		TQ	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1031	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1032	NaOH		TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1033	Dithizone		TQ	Chai/100g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1034	KOH		Merck	Chai/1kg	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1035	NaOH		Merck	Chai/1kg	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1036	Formaldehyde		TQ	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1037	Bình nhựa chứa dung dịch, HDPE, 25 lít	25 lít	Dinlab	cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1038	Muỗng cân hóa chất			Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						HK2
1039	Đầu tuýp vàng 200 μ L	28063	Flmedical	Gói 1000c	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1040	Đầu tuýp xanh 1000 μ L	28053	Flmedical	Gói 500c	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1041	Bình định mức 100 mL		Isolab	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1042	Buret 25 mL, 0.05		Isolab	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1043	Becher 100ml		Onelab	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1044	Becher 250 ml		Onelab/TQ	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1045	Bình tia 500mL		Azlon	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1046	Can nhựa 10 lít (nhua PE vuông đẹp)		VN	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1047	Chai chứa hóa chất thủy tinh có nắp cổ nhám (loại 1L)		Onelab	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1048	Đầu bóp ống nhỏ giọt (loại silicon 3ml)		Onelab	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1049	Erlen thủy tinh 250 mL		TQ	Cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1050	Găng tay nitrile size L (không bột màu xanh)		Malaysia	Hộp/100c	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1051	Găng tay nitrile size M (không bột màu xanh)		Malaysia	Hộp/100c	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1052	Giấy lọc định tính F110 mm	102	TQ	Hộp/100t	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1053	Giấy lọc 60x60		VN	Tờ	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1054	Giấy pH		TQ	Tập	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1055	Ống nghiệm không nắp 13x100 mm			cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1056	Ống nghiệm không nắp 16x160 mm			cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1057	Khăn lau bàn vải microfiber 30x40cm		VN	cái	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1058	Nước rửa chén Sunlight 400g		VN	Chai/400g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1059	Bộ lau nhà 360		VN	Bộ	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1060	Bút lông dầu lớn Thiên Long		VN	Cây	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1061	Túi rác đại (55x65 cm)		VN	Kg	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1062	Hồ dán giấy		M&G	Chai	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
1063	NaCl		TQ	Chai/500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1064	Bảng mỏng TLC pha thường	1055540001	Merck	Hộp	1	(4)CHE10011_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1065	Giấy lọc tờ 60x60cm		TQ	Tờ	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1066	Hexane		chemsol-VN	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1067	Toluene		chemsol-VN	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1068	NaOH		TQ	Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1069	Cồn CN 96		Việt Nam	Can/ 30L	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1070	Acid acetic		TQ	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1071	Na2SO4		TQ	Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1072	Acetone CN		Việt Nam	Can/ 30L	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1073	Toluene		TQ	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1074	MeOH		TQ	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1075	Acid oxalic		TQ	Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1076	Acid benzoic		TQ	Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1077	MeOH		Chemsol	Phuy/163 kg	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1078	Ống hoàn lưu dài 50 cm, ruột xoắn nhám 24/29		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1079	Bình cầu 250 ml đáy tròn, nhám 24/29		Biohall	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1080	Silica gel 230 - 400 mesh (37 - 63 mm)	GRM7484-500G	Himedia	Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1081	Silica gel 60 - 200 mesh		Ấn độ	Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1082	Cột sắc ký khóa teflon đỏ, đường kính trong 1.5 cm, dài 30 cm		Việt Nam GC	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1083	Aluminium oxide active, neutral, For column chromatography, cas: 1344-28-1		ấn	Chai/500 g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1084	Parafin lỏng		TQ	Gói/ 500c	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1085	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 145 mm		Onelab/TQ	Hộp/250 cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1086	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		Onelab	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1087	Cốc thủy tinh 100ml		Onelab/TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1088	Cốc thủy tinh 250 mL		Onelab/TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1089	Nút cao su màu trắng số 6		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1090	Nút cao su màu trắng số 5		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1091	Nút cao su màu trắng số 4		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1092	Bình cầu 1 cổ đáy tròn chịu nhiệt 100 ml, nhám 14/23		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1093	Ống Sinh hàn ruột thẳng dài 22cm nhám 24/29		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1094	Micropipet hấp tiệt trùng 1kênh 100 - 1000ul		Phoenix Instrument - Đức	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1095	Chai thủy tinh có nắp vặn, 1 L		Biohall Germany	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1096	Bình Wurtz (liên hệ để lấy thông số chi tiết) - Bình wurtz 100ml, NS24/29		Việt Nam GC	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1097	Nhiệt kế 200 độ C		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1098	Đũa thủy tinh 200mm		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1099	Muỗng inox 2 đầu tròn 200mm		Onelab	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1100	Bình lóng 125 mL (Bình lắng quả lê khóa nhựa 100ml)		Biohall Germany	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1101	Ống mao quản dài 100mm x đường kính 1.55mm, hai đầu hở, (100cái/hộp), đo điểm nóng chảy		Marienfeld-Đức	Hộp/100 cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1102	Phễu nhựa f 90 mm		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1103	Phễu thủy tinh f 60 mm		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1104	1-Naphthol		TQ	Chai/100g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1105	2-Naphthol		TQ	Chai/500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1106	Acetanilide		TQ	Chai/500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1107	Bộ dụng cụ đục lỗ nút cao su		TQ	Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1108	Benzamide		TQ	Chai/500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1109	Salicylic acid		TQ	Chai/500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1110	Cối chảy sứ 80 mm		TQ	Bộ	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1111	HCl		TQ	Chai 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1112	KOH		TQ	Chai/500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1113	H3PO4		TQ	Chai 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1114	isopropanol		TQ	Chai 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1115	Hexane CN (phuy)		Singapore/Thái land	138 kg/phuy	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1116	Ethyl acetate CN (phuy)		Singapore/Thái land	183 kg/phuy	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1117	Chloroform CN (phuy)		Singapore/Thái land	280 kg/phuy	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
1118	Xi kẽm (hàm lượng kẽm >50%)				1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1119	Cr2O3		Việt nam	kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1120	Đinh sắt dài 1 cm		Việt nam	g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1121	MnO2 phân tích		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1122	Cồn 96, Công nghiệp		Việt nam	lít	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1123	Dung dịch NH3 đậm đặc (PA)		TQ	chai 500ml	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1124	H2O2 30% PA		TQ	Chai/500 mL	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1125	KOH (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1126	NaOH (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1127	H2SO4 (can 39 kg) (kỹ thuật)		TQ	can	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1128	HCl (can 30kg) Kỹ Thuật		TQ	can	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1129	NH3 (can 30kg) Kỹ thuật		TQ	can	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1130	CuSO4.5H2O (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1131	EDTA (PA)	2Na	TQ	Chai 250g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1132	CuCl2.2H2O (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1133	(NH4)2Fe(SO4)2.6H2O		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1134	KI (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1135	NaCl (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1136	K2Cr2O7 (PA)		Merck	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1137	K2Cr2O7 (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1138	KMnO4		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1139	ethanol (PA)		TQ	chai 500 ml	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1140	K2C2O4.H2O (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1141	BaCl ₂ .2H ₂ O		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1142	Na ₂ CO ₃ (PA)		TQ	Chai/500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1143	NH ₄ Cl (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1144	KSCN (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1145	AgNO ₃ (PA)		TQ	Chai 100g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1146	H ₂ C ₂ O ₄ (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1147	K ₃ [Fe(CN) ₆] (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1148	Na ₂ S ₂ O ₃ (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1149	KClO ₃ (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1150	Eriochrome Black		TQ	Chai 25g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1151	Acid oxalic			Bao 25kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1152	1, 10 phenanthroline		TQ	Chai 5g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1153	Becher 1 lít chịu nhiệt		Onelab /TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1154	Becher 500 ml chịu nhiệt		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1155	Becher 100 ml đường kính 5.7 cm , chiều cao 7.2 cm chịu nhiệt		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1156	Becher 250 ml đường kính 7.5 cm, chiều cao 9.5 cm chịu nhiệt		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1157	Bầu brom 60 ml khóa nhựa teflon 50ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1158	Bình cầu 250 mL Schott Duran (vừa nút cao su số 7, phi trong = 31 mm)		Đức	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1159	Bình tam giác có vòi 250 mL (đường kính bên trong cổ f 32 đến 34 mm; đường kính bên ngoài cổ f 40 đến 44 mm)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1160	Phễu lọc sứ (phi 60 mm)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1161	Phễu lọc nhựa (phi 75 mm)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1162	Phễu thủy tinh xóp G3, 100 mL (phi trong = 61 mm)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1163	Erlen 250 mL Schott Duran (vừa nút số 7, phi trong = 31.5 mm)		Duran	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1164	Ống thủy tinh vuông 9×9 cm đường kính ngoài = 8 mm		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1165	Ống thủy tinh thẳng 30 cm đường kính ngoài = 8 mm		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1166	Ống thủy tinh L (7 x 20 cm, đường kính ngoài 8 mm)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1167	Nút cao su trắng số 7 ($\varphi = 30 \rightarrow 35 \rightarrow 37,5$ cm)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1168	Nút cao su trắng số 8 ($\varphi = 33,5 \rightarrow 37,5 \rightarrow 42$ cm)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1169	Đũa thủy tinh dài 20 cm		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1170	Buret 25 mL		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1171	Bình định mức 50 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1172	Bình định mức 100 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1173	Bình định mức 500 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1174	Bình định mức 1000 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1175	Pipet vạch 5 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1176	Pipet vạch 10 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1177	Pipet bầu 5 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1178	Pipet bầu 10 ml		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1179	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1180	Dụng cụ bếp điện đơn Perfect HP789-1 - 1000W		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1181	Dụng cụ gia nhiệt dây amiso trần đường kính mặt bếp là 13 cm		Việt Nam	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1182	Ống gen cách điện sợi thủy tinh D5 (8 mm)		VN	Sợi	30	(5)CHE10018_CQ_HK2
1183	Phích cắm điện chân tròn điện quang PC 2A - 02		Việt Nam	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1184	Giấy lọc f11 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1185	Giấy lọc f18 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1186	Giấy lọc f11 cm (101		TQ	Hộp	1	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	định tính)			100Tờ		HK2
1187	Giấy lọc f18 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1188	Sóng hồ 1T9 (Kích thước 62.6 x 42.4 x 19 cm, chất liệu HDPE)		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1189	Sóng hồ 1T5 (Kích thước 62.6 x 42.4 x 15 cm, chất liệu HDPE)		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1190	Rổ lưới bằng nhựa 45x30x15 cm (kích thước cùng cấp 46.5 x 31 x 10.5 cm)		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1191	Bịch nilon PE 7 x 14 cm				1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1192	Bịch nilon kiếng 7 x 14 cm		Việt Nam	kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1193	Túi xốp 20x20 cm		VN	kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1194	Chai nhựa HDPE 500mL màu nâu		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1195	Chai nhựa HDPE 500mL màu trắng		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1196	Dụng cụ Cân kỹ thuật điện tử 2 số lẻ ONELAB (310g/10mg-0.01gam) - chuẩn ngoại		Onelab	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1197	Khóa đôi thí nghiệm		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1198	Vòng inox (phi 70 mm) (Ring 80mm, insize:66mm,Length 195mm (Chưa bao gồm khóa đôi))		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1199	Kẹp cổ bình cầu		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1200	Kẹp buret bằng nhựa		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1201	Chân giá thí nghiệm 14x19 cm (bộ nhỏ)		Việt nam	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1202	Xô nhựa Duy tân 20 Lít Kích thước: 37x34x33 cm có nắp đậy có quai xách		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1203	Găng tay nitrile size L không bột		VN	Hộp 100 cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1204	Can nhựa HDPE 10L (màu trắng) - can vuông		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1205	Can nhựa HDPE 10L (màu xanh dương) -		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	can vuông					
1206	Can nhựa HDPE 15L (màu trắng)		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1207	Can nhựa HDPE 15L (màu xanh dương)-can vuông		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1208	Can nhựa PP 10L (màu trắng)		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1209	Bình tia nhựa 500 mL (miệng rộng)		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1210	Khẩu trang chống độc hóa chất 3M 8247		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1211	Ca nhựa 2 L - có chia vạch		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1212	Ca nhựa 1 L - có chia vạch		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1213	Ca nhựa 5L - có chia vạch		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1214	Bình lọc chân không 1L		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1215	Phễu lọc sứ phi 200 mm		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1216	Vòng đệm Guko cho phễu lọc		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1217	Giá đỡ ống nghiệm 6 lỗ		TQ		1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1218	ghế nhựa cao Duy tân ghế nhựa: Kích thước (Dài, rộng, cao) : 35 x 35 x 46 cm		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1219	Chổi quét nhà		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1220	Ki hốt rác		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1221	Cây lau nhà vắt tay		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1222	Kéo 21cm		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1223	Hồ nước dán giấy		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1224	Kim bấm số 10		VN	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1225	Băng keo 46.5 x 72 mm		TQ	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1226	Ruột chì bấm 0.5 mm 2B		VN	Hộp	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1227	Túi rác đại (64x78 cm)		VN	Kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1228	Túi rác đại (55x65 cm)		VN	Kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1229	Bột giặt Omo 4.5 kg	4.3kg	VN	Bịch	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1230	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)		TQ	kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1231	Xà bông cục safeguard 125g				1	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1232	Hộp Bút Gel Thiên Long GEL-09 - Mực Đỏ				1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1233	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đỏ		VN	hộp	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1234	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đen		VN	hộp	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1235	Gỗ tấm dài 2m, rộng 30 cm, dày 1.5 cm, phủ keo bóng 2 mặt				1	(5)CHE10018_CQ_HK2
1236	Glycerin (Chai thủy tinh 0.5 lit)	Glycerol	Xilong/TQ	Chai/ 500ml	1	(1)PHY00081_CLC
1237	Lọ tỷ trọng 25ml (Không nhiệt kế)		Biohall Germany	Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1238	Lọ tỷ trọng 10ml (Không nhiệt kế)		Biohall Germany	Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1239	Ống đong thủy tinh 50 ml		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1240	Ống đong thủy tinh 100 ml		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1241	Cốc thủy tinh 100ml		Onelab/ TQ	Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1242	Bình tam giác 1000 ml			Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1243	Lăng kính thủy tinh hình tam giác BK7 (30 x 30 x 60 mm)			Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1244	Pin 9V - Hộp 10 viên (Toshiba)		Toshiba	Hộp	1	(1)PHY00081_CLC
1245	Pin 1.55v SR44SW	938882	Mitutoyo - Nhật	Viên	1	(1)PHY00081_CLC
1246	Pin 1,5V AA		Maxell	Hộp/ 40 viên	1	(1)PHY00081_CLC
1247	Đồng hồ đo điện Wellink HL 1230		Đài Loan	Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1248	Thước cặp điện tử dài đo 0-150mm Mitutoyo 500-181-30	500-181-30	Nhật Bản	Cái	2	(1)PHY00081_CLC
1249	Biến thể nguồn AC/DC (Điện áp ra xoay chiều 5A, điện áp 1 chiều 3A)	94XD01KA	VN	Bộ	2	(1)PHY00081_CLC
1250	Biến Trở Con Chạy 20W-2A	CSVL2020	VN	cái	2	(1)PHY00081_CLC
1251	Chiết Áp Có Nút Xoay TOCOS V24YN20S (2k ohm)			cái	1	(1)PHY00081_CLC
1252	Chiết Áp Có Nút Xoay TOCOS V24YN20S (100k ohm)			cái	1	(1)PHY00081_CLC
1253	Dây Banana Đầu 4mm AA Dài 1m 1500V 10A Màu đỏ		TQ	Cái	1	(1)PHY00081_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1254	Bộ điều khiển nhiệt độ Conotec FOX-1004 (-40 đến 90°C)		Trung Quốc	Cái	1	(1)PHY00081_CLC
1255	Dây Banana Đầu 4mm AA Dài 1m 1500V 10A Màu Đỏ			bộ	1	(1)PHY00081_CLC
1256	Cuộn Thiếc Hàn Không Chì 0.8mm Thiếc 99.3% Đồng 0.7% 0,5KG		Trung Quốc	500g/cuộn	1	(1)PHY00081_CLC
1257	Dây điện 1.5, (DÂY ĐIỆN ĐÔI VCmd CADIVI: 2 x 30)		Cadivi	Cuộn/100 mét	1	(1)PHY00081_CLC
1258	Giấy vệ sinh Coop Select (cuộn 2 lớp)			Túi 10 cuộn	1	(1)PHY00081_CLC
1259	Khăn giấy lụa Finest (kích thước 200 x 190 mm)			Hộp	1	(1)PHY00081_CLC
1260	Bút lông bảng (màu xanh)		VN	Cây	10	(1)PHY00081_CLC
1261	Bút lông bảng (màu đen)		VN	Cây	10	(1)PHY00081_CLC
1262	Bút lông dầu (màu đen)		VN	Cây	10	(1)PHY00081_CLC
1263	Giấy A4 Double A (70gsm)		VN	Gram	10	(1)PHY00081_CLC
1264	Chloroform (CHCl ₃)		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1265	Methanol		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1266	Cồn tuyệt đối		chemsol-VN	C/500ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1267	Ethyl acetate		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1268	Diethyl ether		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1269	Hexane		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1270	Petroleum ether 60-90		chemsol-VN	Chai 500ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1271	Toluene		chemsol-VN	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1272	Xylene		Chemsol	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1273	Etanol (CN)		VN	lít	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1274	Aceton (CN)		VN	lít	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1275	Acetophenone		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1276	Benzaldehyde		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1277	1-butanol		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1278	Cyclohexanol		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1279	AcOH tinh khiết		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1280	Acetic anhydride		TQ	c/ 2.5L	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1281	Aniline		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1282	N,N-Dimethylaniline		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1283	Nước tẩy Javel		VN	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1284	2-naphthol		Himedia	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1285	Sulfanilic acid		TQ	Chai/100 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1286	Anthracene		TQ	Chai 100g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1287	Maleic anhydride		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1288	DL-Isoborneol		Fisher	Chai 500g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1289	Hydroxyamine.HCl		TQ	Chai/100 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1290	Chloral hydrate		TQ	Chai 250g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1291	p-Toluidine		TQ	Chai/250g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1292	NH ₃		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1293	NaCl		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1294	NaOH		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1295	NaNO ₂		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1296	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1297	Na ₂ SO ₄		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1298	H ₃ PO ₄		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1299	HCl		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1300	H ₂ SO ₄		TQ	Chai/500 ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1301	KMnO ₄		VN	Chai 500ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1302	FeCl ₃ .6H ₂ O		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1303	Than hoạt tính		TQ	kg	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1304	Giấy pH		TQ	Hộp 20 tệp	1	(2)CHE10012_CLC-VP

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1305	Giấy lọc tờ		TQ	Tờ	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1306	Găng tay y tế màu trắng không bột		Malaysia	Hộp	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1307	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 150 mm		Đức	Hộp/250 cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1308	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 250 mm		Đức	Hộp/250 cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1309	Ống đong thủy tinh 10 ml		TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1310	Ống đong thủy tinh 25 ml		TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1311	Becher 100 ml		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1312	Becher 250 ml		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1313	Becher 500 ml		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1314	Becher 1000 ml		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1315	Erlen 50 ml		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1316	Erlen 250 ml, nhám 29/32, có nắp teflon		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1317	Erlen 250 ml có vòi, nhám 29/32		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1318	Đũa thủy tinh (loại 20-25cm)		Onelab/TQ	Cây	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1319	Phễu thủy tinh $\theta = 100$ mm		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1320	Phễu thủy tinh $\theta = 100$ mm, đuôi cụt		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1321	Nhiệt kế rượu 200 oC		TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1322	Đĩa Petri $\theta = 100*15$ mm		Dinlab Germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1323	Bình cầu 100 ml nhám 14/23 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1324	Bình lỏng 125 ml, khóa teflon		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1325	Ống sinh hàn 2 đầu nhám 14 (dài 25 cm, ruột thẳng)		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1326	Khóa đôi = noa		TQ	cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1327	Kẹp Sinh hàn 3 chấu TQ		TQ	cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1328	Vòng giữ bình lỏng 125 ml		VN/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1329	Bộ chân giá, dài 60-70 cm		TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1330	Muỗng inox nhỏ 20 cm, 2 đầu tròn			Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1331	Phễu Buchner 60 mm			Bình	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1332	Bình tia acetone		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						VP
1333	Bộ chưng cất phân đoạn (bình cầu thủy tinh 100 ml nhám 14; cột Vigreux 30 cm, 2 nhám 14; đầu chưng cất, 3 nhám 14, bầu chứa nhiệt kế nhám 14)		Biohall germany	Bộ	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1334	Bầu chứa nhiệt kế, nhám 14/23		VN	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1335	Đầu chưng cất, 3 nhám 14		VN	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1336	Cột Vigreux 30 cm		VN	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1337	Bình lóng 250 ml, khóa teflon		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1338	Bình lóng 500 ml, khóa teflon		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1339	Bình cầu 250 ml nhám 29 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1340	Bình cầu 500 ml nhám 29 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1341	Bình cầu 50 ml nhám 14 có nút thủy tinh		Biohall germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1342	Ống thủy tinh chữ T ($\theta = 10$ mm) có khóa teflon		Có hình ảnh đính kèm	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1343	Cá từ trứng (oval) 2 cm		Dinlab Germany	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1344	Erlen 50 ml, nhám 14/23, có nắp teflon		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1345	Erlen 100 ml, nhám 14/23, có nắp teflon		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1346	Nút silicon từ số 6 (33x26x25 mm)		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1347	Silica gel 60, 0,04 - 0,06 mm, for flash - SiO ₂		Scharlau	Chai/1 kg	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1348	Silica gel 230-400 Mesh (0,063- 0,037 mm) for flash		Ấn Độ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1349	TLC silica gel 60 F254		Merck	Hộp/25 tờ	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1350	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		VN/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1351	Chổi bông cỏ quét nhà				1	(2)CHE10012_CLC-VP
1352	Cây lau nhà vắt tay				1	(2)CHE10012_CLC-VP
1353	Chai bi có nắp vận 10 ml		Onelab/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1354	Chai thủy tinh trắng 20 ml hoặc 30 ml có nắp thủy tinh nhám 14		VN/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1355	Chai thủy tinh nâu 20 ml hoặc 30 ml có nắp thủy tinh nhám 14		VN/TQ	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
1356	Dược liệu cây thuốc tươi		VN		1	(4)CHE10606-CLC
1357	Isopropanol (2-propanol)		Chemsol/ Việt Nam	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10606-CLC
1358	Găng tay nitrile size L không bột		Top Glove	Hộp/ 100c	1	(4)CHE10606-CLC
1359	Kẹp Sinh hàn (Kẹp bình cầu 3 càng)		Onelab/ TQ	cái	1	(4)CHE10606-CLC
1360	HCl		TQ	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10606-CLC
1361	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/ 500g	1	(4)CHE10606-CLC
1362	NaOH		TQ	Chai/ 500g	1	(4)CHE10606-CLC
1363	H ₂ SO ₄		TQ	Chai/ 500ml	1	(4)CHE10606-CLC
1364	Than hoạt tính		TQ	chai 500g	1	CHE10014-CLC TTHL2
1365	KI		TQ	chai 500g	1	CHE10014-CLC TTHL2
1366	Ethanol absolute (chai 1L)		Chemsol-VN	chai 1 lít	1	CHE10014-CLC TTHL2
1367	Bình định mức 25 ml, trắng		Biohall germany	cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1368	Dụng cụ khuấy từ có điều khiển gia nhiệt Digital, LED	RSM-04H	Phoenix Instrument Germany	cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1369	Erlen thường 125 ml		Onelab/TQ	cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1370	máy quang phổ uv-vis		TQ	cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1371	pipette tự động 1 ml			cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1372	Becher 25ml		Onelab/TQ	cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1373	Beecher 50ml		Onelab/TQ	cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1374	Bộ lau nhà		VN	Cái	1	CHE10014-CLC TTHL2
1375	Nước rửa tay lifebuoy		VN	bịch /kg	1	CHE10014-CLC TTHL2
1376	Nước rửa chén (rửa dụng cụ)		VN	chai/3.8	1	CHE10014-CLC TTHL2
1377	Giấy vệ sinh Pulppy		VN	bịch 10	1	CHE10014-CLC TTHL2
1378	Xi kềm dạng bột, có kích thước hạt 2 đến 5 micromet từ nhà máy tôn trắng		Việt nam	kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	kẽm,Hàm lượng kẽm ≥ 50% về khối lượng					
1379	Cr2O3		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1380	Đinh sắt dài 1 cm		Việt nam	Kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1381	MnO2 phân tích		TQ	Chai/ 250g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1382	Cồn 96, Công nghiệp		Việt nam	lít	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1383	Dung dịch NH ₃ đậm đặc (PA)		Xilong/TQ	chai 500ml	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1384	H2O2 30% PA		Xilong/TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1385	KOH (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1386	NaOH (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1387	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kỹ thuật)		Việt Nam	can	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1388	HCl (can 30kg) Kĩ Thuật		Việt Nam	can	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1389	NH ₃ (can 30kg) Kĩ thuật		TQ	can	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1390	CuSO ₄ .5H ₂ O (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1391	EDTA (PA)		TQ	Chai/ 250g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1392	EDTA (PA)	2Na	TQ	Chai/ 250g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1393	CuCl ₂ .2H ₂ O (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1394	(NH ₄) ₂ Fe(SO ₄) ₂ .6H ₂ O		Xilong/TQ	chai 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1395	KI (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1396	NaCl (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1397	K ₂ Cr ₂ O ₇ (PA)	1048640500	Merck	chai 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1398	K ₂ Cr ₂ O ₇ (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1399	KMnO ₄		Việt Nam	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1400	ethanol (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1401	K ₂ C ₂ O ₄ .H ₂ O (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1402	BaCl ₂ .2H ₂ O		Xilong/TQ	chai 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1403	Na ₂ CO ₃ (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1404	NH ₄ Cl (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1405	KSCN (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1406	AgNO ₃ (PA)		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1407	AgNO ₃ (PA)		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1408	H ₂ C ₂ O ₄ (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1409	K ₃ [Fe(CN) ₆] (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1410	Na ₂ S ₂ O ₃ (PA)		Xilong/TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1411	KClO ₃ (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1412	Eriochrome Black		Xilong/TQ	Chai/ 25g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1413	Eriochrome Black		Xilong/TQ	Chai/ 25g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1414	1, 10 phenanthroline		TQ	Chai/ 5g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1415	1, 10 phenanthroline		TQ	Chai/ 5g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1416	Cốc thủy tinh 1000ml		Onelab /TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1417	Cốc thủy tinh 500 mL		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1418	Cốc thủy tinh 100ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1419	Cốc thủy tinh 250 mL		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1420	Bầu brom 50 ml khóa nhựa teflon (iso lab)		Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1421	Bình lắc gạn khóa PTFE 50ml		Biohall Germany	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1422	Bình cầu đáy tròn 250ml N34	217213604	Đức	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1423	Bình tam giác có vòi 250 mL (đường kính bên trong cổ f 32 đến 34 mm; đường kính bên ngoài cổ f 40 đến 44 mm)		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1424	Phễu lọc sứ (phi 60 mm)		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1425	Phễu thủy tinh xếp G3-80 ML		Biohall	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1426	Bình tam giác, cổ hẹp 250ml KT: 34x145mm	212163605	Duran	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1427	Ống thủy tinh vuông 9×9 cm đường kính ngoài = 8 mm		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1428	Ống thủy tinh thẳng 30 cm đường kính ngoài =		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	8 mm					
1429	Ống thủy tinh L (7 x 20 cm, đường kính ngoài 8 mm)		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1430	Nút cao su trắng số 7 ($\varphi = 30 \rightarrow 35 \rightarrow 37,5$ cm)		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1431	Nút cao su trắng số 8 ($\varphi = 33,5 \rightarrow 37,5 \rightarrow 42$ cm)		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1432	Đũa thủy tinh dài 20 cm		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1433	Buret trắng khóa PTFE 25ml		Biohall	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1434	Bình định mức 50 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1435	Bình định mức 100 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1436	Bình định mức 500 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1437	Bình định mức 1000 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1438	Pipet vạch 5 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1439	Pipet vạch 10 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1440	Pipet bầu 5 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1441	Pipet bầu 10 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1442	Bình định mức 50 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1443	Bình định mức 100 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1444	Bình định mức 500 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1445	Bình định mức 1000 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1446	Pipet vạch 5 ml		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1447	Pipet vạch 10 ml		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1448	Pipet bầu 5 ml		TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1449	Pipet bầu 10 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1450	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1451	Dụng cụ bếp điện đơn Perfect HP789-1 - 1000W		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1452	Bếp điện đơn 1000W	DL-I-15	Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1453	Dụng cụ gia nhiệt dây amiso trần đường kính mặt bếp		Việt Nam	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	là 13 cm					
1454	Ổng gen cách điện sợi thủy tinh D5 (8 mm)		VN	Sợi	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1455	Phích cắm điện chân tròn điện quang PC 2A - 02		Việt Nam	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1456	Giấy lọc f11 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1457	Giấy lọc f18 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1458	Giấy lọc f11 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1459	Giấy lọc f18 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1460	Rổ lưới bằng nhựa 45x30x15 cm (kích thước cung cấp 46.5 x 31 x 10.5 cm)		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1461	Bịch nilon PE 7 x 14 cm		Việt Nam	kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1462	Bịch nilon kiếng 7 x 14 cm		Việt Nam	kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1463	Túi xốp 20x20 cm		VN	kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1464	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)		Việt Nam	kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1465	Xà bông cục safeguard thảo mộc 125g		Việt Nam	Hộp	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1466	Nước rửa chén Sunlight 400g		TQ	Chai/ 400g	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1467	Chai nhựa HDPE 500mL màu nâu		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1468	Chai nhựa HDPE 500mL màu trắng		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1469	ghế nhựa cao Duy tân ghế nhựa: Kích thước (Dài, rộng, cao) : 35 x 35 x 46 cm		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1470	Chổi quét nhà		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1471	Ki hốt rác		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1472	Cây lau nhà vắt tay		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1473	Kéo 21cm		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1474	Hồ nước dán giấy		Việt Nam	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1475	Kim bấm số 10 (Hộp nhỏ)		VN	Cái	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1476	Ruột chì bấm 0.5 mm 2B		VN	Hộp	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1477	Túi rác đại (64x78 cm)		VN	Kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1478	Túi rác đại (55x65 cm)		VN	Kg	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1479	Bột giặt Omo	4.3kg	VN	Gói	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1480	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đỏ		VN	hộp	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1481	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đen		VN	hộp	1	CHE10018-CLC- TT HVC2
1482	Folin-Ciocalteu's phenol reagent	1090010100	Merck	Chai/ 100ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1483	Chuẩn Au 1000 mg/L	1702160500	Merck	Chai/500 mL	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1484	Sodium tetraphenylborate	1066690100	Merck	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1485	Sodium tetraphenylborate		TQ	Chai/ 250g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1486	SnCl ₂ .2H ₂ O		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1487	AgNO ₃		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1488	Al(NO ₃) ₃		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1489	Cồn 96, Công nghiệp		VN	Lít	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1490	CH ₃ COONa khan		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1491	Co(NO ₃) ₂		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1492	CdCl ₂		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1493	Cd(NO ₃) ₂		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1494	1,10-phenantroline		TQ	Chai/ 5g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1495	Na ₂ S (9H ₂ O)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1496	Nitrobenzen		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1497	Ethanol		Chemsol/VN	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1498	Ethyl acetate		Chemsol/VN	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1499	FeSO ₄	7H ₂ O	TQ	Chai/ 500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1500	Fe(NO ₃) ₃		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1501	H ₂ SO ₄		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1502	HNO ₃		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1503	HCl		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1504	KIO ₄		TQ	Chai/100g	1	CHE10015-CLC-TT

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						HPT1
1505	MnCl ₂	4H ₂ O	TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1506	Zn(NO ₃) ₂ .6H ₂ O		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1507	KI	P/5880/53	Fisher	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1508	Na ₂ SO ₃		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1509	NH ₃		TQ	Chai/500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1510	H ₂ O ₂		TQ	Chai/500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1511	CH ₃ COOH (Acetic)		Trung Quốc	Chai/500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1512	Na ₂ CO ₃		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1513	(NH ₄) ₂ CO ₃		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1514	NaOH		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1515	Cu(NO ₃) ₂		TQ	Chai/500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1516	Dithizone		TQ	Chai/ 25g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1517	KOH	1050331000	Merck	Chai/1kg	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1518	KOH	P/5640/60	Fisher	Chai/1kg	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1519	NaOH	1064981000	Merck	Chai/ 1kg	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1520	2,6-Pyridinedicarboxylic acid		TQ	Chai/100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1521	Formaldehyde		TQ	Chai/500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1522	Bật lửa BIC		VN	Cái	10	CHE10015-CLC-TT HPT1
1523	Bình nhựa chứa dung dịch, HDPE, 25 lít	25 lít	Dinlab	cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1524	Muỗng inox 2 đầu tròn 200mm		Onelab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1525	Đầu tuýp vàng 200 µL	28063	Flmedical	Gói/1000c	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1526	Đầu tuýp xanh 1000 µL	28053	Flmedical	Gói 500c	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1527	Cà nhựa PE pha hóa chất có tay cầm dạng cao 5L (Cốc nhựa có quai PP 5000ml)		Onelab TQ	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1528	Bình định mức 100 mL		Isolab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1529	Cốc thủy tinh 1000 ml		Onelab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1530	Cốc thủy tinh 500 mL		Onelab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1531	Buret 25 mL, 0.05		Isolab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1532	Cốc thủy tinh 100ml		Onelab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1533	Cốc thủy tinh 250 mL		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1534	Bình tia 500mL		Azlon	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1535	Can nhựa 10 lít - nhựa PE, can đẹp		VN	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1536	Can nhựa 30 lít - nhựa PE, can đẹp		Việt Nam	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1537	Chai chứa hóa chất thủy tinh có nắp cổ nhám (loại 1L) - chai trắng nút mài MR 1000ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1538	Đầu bóp ống nhỏ giọt (loại silicon 3ml)		Onelab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1539	Đĩa petri thủy tinh (d=10cm), cao 15mm		Dinlab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1540	Đũa thủy tinh 20cm		Onelab	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1541	Erlen thủy tinh 250 mL		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1542	Găng tay nitrile size L (không bột màu xanh)		Malaysia	Hộp/100c	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1543	Găng tay nitrile size M (không bột màu xanh)		Malaysia	Hộp/100c	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1544	Giấy lọc định tính F110 mm	102	TQ	Hộp/100t	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1545	Giấy lọc 60x60		TQ	Tờ	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1546	Giấy pH		TQ	Tập	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1547	Ống nghiệm không nắp 13x100 mm		Biohall Germany	cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1548	Ống nghiệm không nắp 16x160 mm		Biohall Germany	cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1549	Ống nhỏ giọt nhựa 3mL		Flmedical	Hộp/500c	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1550	Quả bóp cao su 1 van		Onelab	cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1551	Bếp hồng ngoại đơn	SHD 6015	Sunhouse	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1552	Băng keo trong (loại dày)		Việt Nam	cuộn	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1553	Giấy vệ sinh		AN AN	cuộn	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1554	Khăn lau bàn vải microfiber 30x40cm		VN	cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1555	Khăn lau bàn ghế 30x30 (cm)		VN	kg	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1556	Nước rửa chén		VN	Chai/	1	CHE10015-CLC-TT

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Sunlight 400g			400g		HPT1
1557	Nước rửa tay Lifebouy		VN	Chai/ 450g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1558	Kéo y tế 18 cm		VN	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1559	Chổi quét nhà		VN	Cây	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1560	Ki hốt rác		VN	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1561	Bộ lau nhà 360		VN	Bộ	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1562	Thùng rác cỡ đại Duy Tân	No.273 (30,5 x 37,5 x 45cm)	VN	Cái	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1563	Bút lông đầu lớn Thiên Long		VN	Cây	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1564	Hồ dán giấy		Việt Nam	Chai	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
1565	Quặng Bauxite				1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1566	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kỹ thuật)		Việt Nam	can	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1567	HCl (can 30kg) Kỹ Thuật		Việt Nam	can	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1568	NH ₃ (can 30kg) Kỹ thuật		TQ	can	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1569	Cồn 96o (can 30L)		Việt Nam	Can/ 30L	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1570	Đá vôi (Bán theo khối san hô ~100kg/khối)		Việt Nam	Khối/ 100kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1571	ZnO		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1572	KOH		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1573	CH ₃ COOH (PA)		Xilong	Chai/500 mL	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1574	EDTA (PA)	2Na	TQ	Chai/ 250g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1575	CH ₃ COONa (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1576	Chỉ thị Xylenol Cam		Trung Quốc	Chai/ 10g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1577	ZnSO ₄	7H ₂ O	Xilong	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1578	Muối biển hột NaCl		VN	Bịch 1kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1579	(NH ₄) ₂ C ₂ O ₄		TQ	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1580	BaCl ₂	BaCl ₂ .2H ₂ O	Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1581	NH ₄ Cl		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1582	Na ₂ HPO ₄	Na ₂ HPO ₄ 12H ₂ O	Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1583	NaCl (PA)		Xilong	Chai/	1	CHE10017-CLC-TT

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
				500g		HVC1
1584	NaHCO ₃		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1585	CaCl ₂ Khan		Xilong	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1586	HNO ₃ (PA)		Xilong	Chai/ 500ml	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1587	AgNO ₃ (PA)		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1588	MgSO ₄	MgSO ₄ .7H ₂ O	Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1589	CuSO ₄	5h ₂ o	Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1590	NaOH		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1591	AlCl ₃	AlCl ₃ .6h ₂ o	Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1592	SnCl ₄	SnCl ₄ .5H ₂ O	TQ	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1593	Na ₂ CO ₃		Xilong		1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1594	Pb(CH ₃ COO) ₂		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1595	Ca(OH) ₂		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1596	Pb(NO ₃) ₂		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1597	Zn kim loại		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1598	Sn Kim loại		TQ	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1599	KI		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1600	KI	P/5880/53	Fisher	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1601	Na ₂ S ₂ O ₃		Xilong	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1602	KBr		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1603	FeCl ₃	FeCl ₃ .6H ₂ O	TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1604	KMnO ₄		Việt Nam	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1605	Na ₂ SO ₃		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1606	H ₂ O ₂ 30% (PA)		Xilong	Chai/ 500ml	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1607	NaNO ₂		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1608	KIO ₃		TQ	Chai/ 250g	8	CHE10017-CLC-TT HVC1
1609	K ₂ Cr ₂ O ₇		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1610	Cr(NO ₃) ₃		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1611	NaNO ₃		TQ	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1612	Acid oxalic		TQ	Bao 25kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1613	K ₂ C ₂ O ₄		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1614	Ethanol (PA)		Xilong	Chai/ 500ml	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1615	Ống thủy tinh vuông 9×9 cm đường kính ngoài = 8 mm		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1616	Ống thủy tinh thẳng 30 cm đường kính ngoài = 8 mm		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1617	Ống thủy tinh L (7 x 20 cm, đường kính ngoài 8 mm)		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1618	Nút cao su trắng số 7 (φ = 30 → 35 → 37,5 cm)		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1619	Nút cao su trắng số 8 (φ = 33,5 → 37,5 → 42 cm)		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1620	Đũa thủy tinh dài 20 cm		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1621	Buret trắng khóa PTFE 25ml		Biohall	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1622	Bình định mức 50 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1623	Bình định mức 100 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1624	Bình định mức 500 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1625	Bình định mức 1000 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1626	Pipet vạch 5 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1627	Pipet vạch 10 ml	Isolab	Isolab	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1628	Pipet bầu 5 ml	Isolab	Isolab	Cái	5	CHE10017-CLC-TT HVC1
1629	Pipet bầu 10 ml	Isolab	Isolab	Cái	4	CHE10017-CLC-TT HVC1
1630	Bình định mức 50 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1631	Bình định mức 100 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1632	Bình định mức 500 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1633	Bình định mức 1000 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1634	Pipet vạch 5 ml		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1635	Pipet vạch 10 ml		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1636	Pipet bầu 5 ml		TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1637	Pipet bầu 10 ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1638	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1639	Dụng cụ bếp điện đơn Perfect HP789-1 - 1000W		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1640	Dụng cụ bếp điện đơn 1000W	DL-I-15	Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1641	Dụng cụ gia nhiệt dây amiso trần đường kính mặt bếp là 13 cm		Việt Nam	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1642	Ống gen cách điện sợi thủy tinh D5 (5 mm)		VN	Sợi	30	CHE10017-CLC-TT HVC1
1643	Phích cắm điện chân tròn điện quang PC 2A - 02		Việt Nam	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1644	Giấy lọc f11 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1645	Giấy lọc f18 cm (102 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1646	Giấy lọc f11 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1647	Giấy lọc f18 cm (101 định tính)		TQ	Hộp 100Tờ	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1648	Rổ lưới bằng nhựa 45x30x15 cm (kích thước cung cấp 46.5 x 31 x 10.5 cm)		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1649	Bịch nilon PE 7 x 14 cm		Việt Nam	kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1650	Bịch nilon kiếng 7 x 14 cm		Việt Nam	kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1651	Túi xốp 20x20 cm		VN	kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1652	Khăn lau bàn ghế 30x30 (cm)		Việt Nam	kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1653	Xà bông cục safeguard thảo mộc 125g		Việt Nam	Hộp	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1654	Nước rửa chén Sunlight 400g		TQ	Chai/ 400g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1655	Chai nhựa HDPE 500mL màu nâu		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1656	Chai nhựa HDPE 500mL màu trắng		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1657	ghế nhựa cao Duy tân ghế nhựa: Kích thước (Dài, rộng, cao) : 35 x 35 x 46 cm		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1658	Chổi quét nhà		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1659	Ki hốt rác		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1660	Cây lau nhà vắt tay		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
						HVC1
1661	Kéo 21cm		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1662	Hồ nước dán giấy		Việt Nam	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1663	Kim bấm số 10 (Hộp nhỏ)		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1664	Bút bi 0.7 mm (mực đen)		VN	Cái	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1665	Ruột chì bấm 0.5 mm 2B		VN	Hộp	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1666	Túi rác đại (64x78 cm)		VN	Kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1667	Túi rác đại (55x65 cm)		VN	Kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1668	Bột giặt Omo	4.3kg	VN	Gói	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1669	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đỏ		VN	hộp	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1670	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đen		VN	hộp	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1671	Hộp Bút lông đầu Thiên Long PM-04 (màu đỏ)				1	CHE10017-CLC-TT HVC1
1672	Giấy pH 1-14		TQ	tệp	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1673	Giấy lọc 102 (110mm)		Onelab/TQ	Hộp/ 100t	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1674	Đũa thủy tinh (dài 250mm)			cái	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1675	Bình Tia nước (500ml)		Onelab	cái	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1676	Erlen 100mL cổ tròn rộng		Onelab/TQ	cái	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1677	Ống đong thủy tinh 100ml		Onelab/TQ	cái	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1678	Ống đong thủy tinh 50ml		Onelab/TQ	cái	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1679	Cốc thủy tinh 2000ml		Onelab	cái	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1680	Cốc thủy tinh 250 mL		Onelab	cái	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1681	Giấy vệ sinh		AN AN	cuộn	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1682	Pipet nhựa hộp 500 c - 3ml	3ml	Onelab/TQ	hộp	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1683	NaCl		TQ	Chai/ 500g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1684	Anhydride acetic	A/0480/PB1	Fisher	Chai/ 2.5L	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1685	KI		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1686	I ₂		TQ	Chai/ 250g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1687	K ₂ C ₂ O ₄		TQ	Chai/ 500g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1688	Hexan		Chemsol	Chai/ 500ml	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1689	Toluen		Chemsol	Chai/ 500ml	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1690	Cyclohexen (C ₆ H ₁₀)		Trung Quốc	Chai/ 500ml	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1691	Isopropyl alcohol (IPA) 99%		chemsol	Chai/ 500ml	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1692	Ethanol Công nghiệp		Việt Nam	Can/ 30L	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1693	Cu bột		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1694	H ₂ O ₂		Trung Quốc	Chai/ 500ml	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1695	AgNO ₃			Chai/ 100g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1696	CoCl ₂ 6H ₂ O		Trung Quốc	Chai/ 100g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1697	Cr ₂ O ₃		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
1698	Acetone			Chai/ 500ml	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1 PHẦN B
1699	Giấy vệ sinh An An		AN AN	Lốc 10 cuộn	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1 PHẦN B
1700	Vật tươi thực hành				1	CHE00081-CLC-TH HĐC1 PHẦN B
1701	NH ₄ Cl		TQ	500g/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1702	Hexane		Chemsol/VN	Chai/500 ml	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1703	xylene		chemsol - VN	500ml/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1704	chloroform		chemsol-VN	500ml/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1705	iodine		TQ	500g/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1706	Biphenyl		arcos	1kg/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1707	NaOH		TQ	500g/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1708	Ethanol		chemsol-VN	1L/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1709	Acetone		chemsol-VN	500ml/chai	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1710	ống nghiệm ø25; cao 150		Duran-Mỹ	cái	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1711	bình định mức 100ml		isolab-đức	cái	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1712	becher 100ml		Onelab-TQ	cái	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1713	Chai trung tính trắng 250 ml		Biohall-Đức	cái	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1714	Burette 25ml		isolab-đức	cái	1	CHEM10013-CLC TTHL1
1715	NaCl		TQ	Chai/	1	CHE10011-CLC-TT

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
				500g		HHC1
1716	Bảng mỏng TLC pha thường	1055540001	Merck	Hộp	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1717	Giấy lọc tờ 60x60cm		TQ	Tờ	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1718	Hexane		chemsol-VN	Chai/ 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1719	Toluene		chemsol-VN	Chai/ 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1720	NaOH		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1721	Cồn CN 96		Việt Nam	Can/ 30L	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1722	Acid acetic		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1723	Na2SO4		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1724	Acetone CN		Việt Nam	Can/ 30L	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1725	Toluene		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1726	MeOH		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1727	Acid oxalic		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1728	Acid benzoic		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1729	MeOH		Chemsol	Phuy/163 kg	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1730	Ống hoàn lưu dài 50 cm, ruột xoắn nhám 24/29		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1731	Bình cầu 250 ml đáy tròn, nhám 24/29		Biohall	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1732	Silica gel 230 - 400 mesh (37 - 63 mm)	GRM7484-500G	Himedia	Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1733	Silica gel 60 - 200 mesh		Ấn độ	Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1734	Cột sắc ký khóa teflon đỏ, đường kính trong 1.5 cm, dài 30 cm		Việt Nam GC	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1735	Aluminium oxide active, neutral, For column chromatography, cas: 1344-28-1		ấn	Chai/500 g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1736	Parafin lỏng		TQ	Gói/ 500c	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1737	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 145 mm		Onelab/TQ	Hộp/250 cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1738	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		Onelab	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1739	Cốc thủy tinh 100ml		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1740	Cốc thủy tinh 250 mL		Onelab/TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1741	Nút cao su màu trắng số 6		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1742	Nút cao su màu trắng số 5		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1743	Nút cao su màu trắng số 4		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1744	Bình cầu 1 cổ đáy tròn chịu nhiệt 100 ml, nhám 14/23		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1745	Ống Sinh hàn ruột thẳng dài 22cm nhám 24/29		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1746	Micropipet hấp tiệt trùng 1kênh 100 - 1000ul		Phoenix Instrument - Đức	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1747	Chai thủy tinh có nắp vặn, 1 L		Biohall Germany	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1748	Bình Wurtz (liên hệ để lấy thông số chi tiết) - Bình wurtz 100ml, NS24/29		Việt Nam GC	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1749	Nhiệt kế 200 độ C		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1750	Đũa thủy tinh 200mm		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1751	Muỗng inox 2 đầu tròn 200mm		Onelab	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1752	Bình lỏng 125 mL (Bình lắng quả lê khóa nhựa 100ml)		Biohall Germany	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1753	Ống mao quản dài 100mm x đường kính 1.55mm, hai đầu hở, (100cái/hộp), đo điểm nóng chảy		Marienfeld-Đức	Hộp/100 cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1754	Phễu nhựa f 90 mm		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1755	Phễu thủy tinh f 60 mm		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1756	1-Naphthol		TQ	Chai/100g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1757	2-Naphthol		TQ	Chai/500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1758	Acetanilide		TQ	Chai/500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1759	Bộ dụng cụ đục lỗ nút cao su		TQ	Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1760	Benzamide		TQ	Chai/500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1761	Salicylic acid		TQ	Chai/500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1762	Cối chàyr sứ 80 mm		TQ	Bộ	1	CHE10011-CLC-TT HHC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1763	HCl		TQ	Chai 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1764	KOH		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1765	H3PO4		TQ	Chai 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1766	isopropanol		TQ	Chai 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1767	Hexane CN (phuy)		Singapore/Thá iland	138 kg/phuy	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1768	Ethyl acetate CN (phuy)		Singapore/Thá iland	183 kg/phuy	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
1769	Chloroform CN (phuy)		Singapore/Thá iland	280 kg/phuy	1	CHE10011-CLC-TT HHC1

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành